



TOP 10 CÁC CÔNG TY
KINH DOANH & PHÂN PHỐI
DƯỢC PHẨM TẠI VIỆT NAM



BÌNH CHỌN
THƯƠNG HIỆU SỐ 1 VIỆT NAM 2025
CẨM XUYẾN HƯƠNG
YEN DAT



SÀN HSX
MÃ CHỨNG KHOÁN: DBT

CÔNG TY THÀNH VIÊN



ĐỐI TÁC TRONG NƯỚC



ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI



BEPHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ:

Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Văn phòng điều hành:

11 Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện Thoại: (028) 3622 0205 - 18001745

Fax: (028) 39610613

Email: bepharco.vietnam@bepharco.com

Website: www.bepharco.com



bepharco group



Scan me

CATALOGUE

OTC

CÁC SẢN PHẨM THUỐC
& CHĂM SÓC SỨC KHỎE



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

CATALOGUE

www.bepharco.com

CÁC SẢN PHẨM THUỐC & CHĂM SÓC SỨC KHỎE

TOP 10

CÁC CÔNG TY KINH DOANH &
PHÂN PHỐI DƯỢC PHẨM TẠI VIỆT NAM



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHẮP 34 TỈNH THÀNH

HỆ THỐNG KHO LƯU TRỮ ĐẠT CHUẨN GSP, GDP





CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Văn phòng điều hành: 11 Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

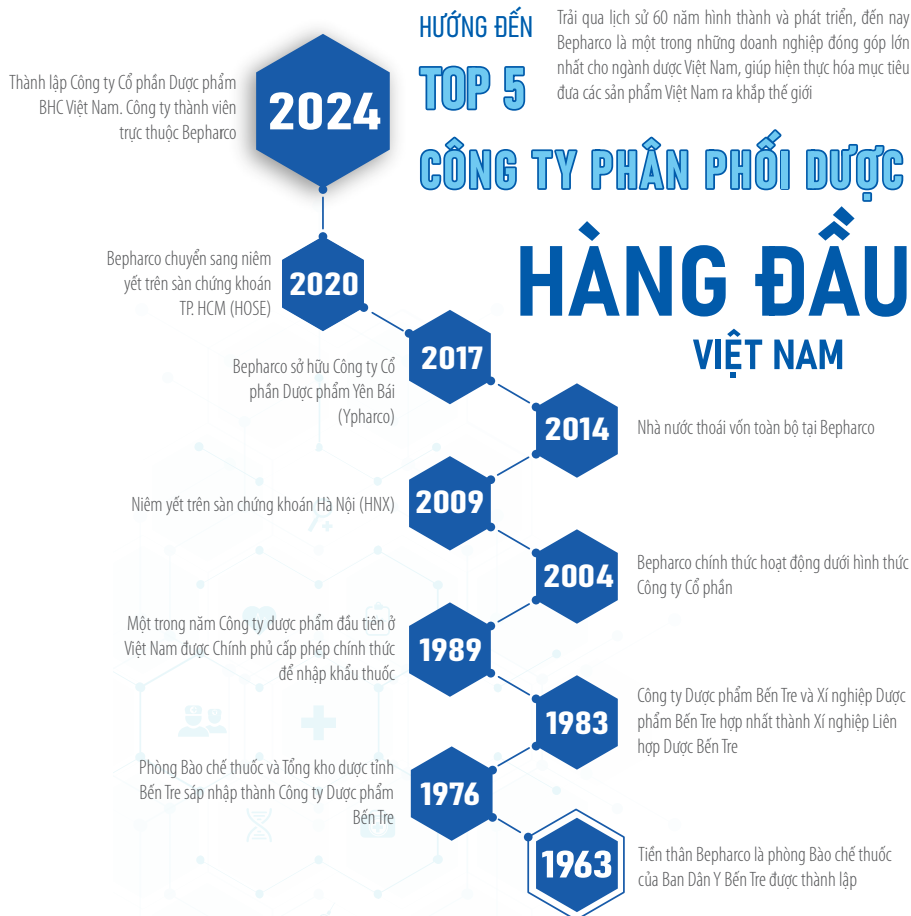
Điện Thoại: (028) 3622 0205 - 18001745

Fax: (028) 39610613

Email: bepharco.vietnam@bepharco.com

Website: www.bepharco.com

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN



DANH MỤC NHÓM HÀNG

• BEPHARCO	• VIỆT NAM	
• YPHARCO	• VIỆT NAM	
• YPHARCO HEALTHCARE	• VIỆT NAM	
• VIETNAT	• VIỆT NAM	
• SPOMEDIC	• VIỆT NAM	
• BIOPHARCO	• VIỆT NAM	
• MEYER-BPC	• VIỆT NAM	
• MIPHARMCO	• VIỆT NAM	
• DRP INTER	• VIỆT NAM	
• GEDEON RICHTER	• HUNGARY	
• EGIS	• HUNGARY	
• RAPTAKOS	• ẮN ĐỘ	
• PRO.MED.CS Praha a.s.	• CỘNG HÒA SẾC	
• DELORBIS	• CỘNG HÒA SÍP	
• MEDEXPORT	• Ý	
• PHARMALINK	• TÂY BAN NHA	
• NQ HEALTHCARE AUSTRALIA PTY.LTD	• ỨC	
• JEIL	• HÀN QUỐC	
• DEAWON	• HÀN QUỐC	
• HANLIM PHARM	• HÀN QUỐC	



BEPHARCO

BEFADOL KID

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

Thành phần

Mỗi 5 ml hỗn dịch thuốc chứa:

Paracetamol 150 mg

Tá dược vừa đủ 5 ml

Chỉ định

Hạ sốt, giảm đau nhức thông thường và khó chịu trong các trường hợp cảm lạnh, cúm, mọc răng, đau răng, đau đầu, đau tai, đau sau khi tiêm vắc xin, viêm họng.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

Mẫu cũ



Mẫu mới



Mẫu cũ



Mẫu mới



Hộp 1 chai x 60 ml

Hộp 20 gói x 5 ml

BEFABROL

HÔ HẤP

Thành phần

Mỗi 5 ml siro thuốc chứa:

Ambroxol hydroclorid..... 15 mg

Tá dược vừa đủ 5 ml

Chỉ định

Tiêu chảy trong các bệnh hô hấp cấp và mạn tính kèm tăng tiết dịch phế quản, bệnh nhân sau mổ và cấp cứu để phòng biến chứng ở phổi.

Liều dùng

Trẻ 6 – 12 tuổi: 15 ml x 2 lần/ngày.

Trẻ 4 – 5 tuổi: 10 ml x 2 lần/ngày.

Trẻ 2 – 3 tuổi: 5 ml x 2 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 30 ml

Hộp 1 chai x 60 ml

Hộp 20 gói x 5 ml

KIDIFUNVON

HÔ HẤP

Thành phần: Mỗi 30 ml siro chứa:

Bromhexin hydroclorid	24 mg
Phenylephrin hydroclorid	15 mg
Guaifenesin	300 mg
Tá dược vừa đủ.....	30 ml

Chỉ định

Rối loạn tiết dịch phế quản, thúc đẩy loại bỏ chất nhầy đường hô hấp do làm long đờm, giảm tạm thời sổ mũi, ngứa mũi, xung huyết mũi do cảm lạnh, viêm phế quản, viêm tiểu phế quản, viêm thanh quản, viêm hầu họng và viêm xoang.

Liều dùng

Từ 2 - 4 tuổi: 2,5 ml x 3 - 4 lần/ngày.

Từ 4 - 6 tuổi: 5 ml x 3 - 4 lần/ngày.

Từ 6 - 12 tuổi: 7,5 ml x 3 - 4 lần/ngày.

Trên 12 tuổi: 10 ml x 3 - 4 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 60 ml

BECOLORAT

KHÁNG DỊ ỨNG

Thành phần

Mỗi 5 ml hỗn dịch thuốc chứa:

Desloratadin	2,5 mg
Tá dược vừa đủ	5 ml

Chỉ định

Giảm triệu chứng của viêm mũi dị ứng và mày đay.

Liều dùng

Người lớn và thiếu niên từ 12 tuổi trở lên: 10 ml/ngày.

Từ 6 - 11 tuổi: 5 ml/ngày.

Từ 2 - 5 tuổi: 2,5 ml/ngày.



Hộp 1 chai x 30 ml

Hộp 1 chai x 60 ml

Hộp 20 gói x 5 ml

BOSUZINC

VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần: Mỗi 5 ml siro chứa:

Kẽm gluconat..... 70 mg
Tá dược vừa đủ..... 5 ml

Chỉ định

Bổ sung nhu cầu hằng ngày và điều trị thiếu kẽm trong các trường hợp:

- Tiêu chảy cấp và mạn tính.
- Trẻ suy dinh dưỡng, chán ăn, chậm tăng trưởng, khóc đêm.
- Giúp mau lành vết thương.
- Tăng cường miễn dịch.
- Tăng trưởng chiều cao và tầm vóc.

Liều dùng

Trẻ em ≥ 6 tháng tuổi và người lớn:
2,5 - 10 ml $\times$ 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 30 ml

Hộp 20 gói x 5 ml

BECOLUGEL

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Mỗi gói 20 g chứa:

Aluminium phosphate gel 20% 12,38 g
Tá dược vừa đủ..... 20 g

Chỉ định

Điều trị cơn đau, bỏng rát và tình trạng khó chịu do acid gây ra ở dạ dày hoặc thực quản.

Liều dùng

Mỗi lần 1 - 2 gói sau các bữa ăn khoảng 30 phút đến 2 giờ.



Hộp 20 gói x 20g

BECOLUGEL-O

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Nhôm oxyd	291 mg
Magnesi hydroxyd	196 mg
Oxethazain	20 mg
Tá được vừa đủ	10 ml

Chỉ định

Đau cấp tính, mạn tính trong bệnh viêm dạ dày, loét tá tràng.

Làm dịu các triệu chứng do tăng acid dạ dày, stress.

Viêm thực quản, đau bụng do khó tiêu.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 20 gói x 10 ml

BECOLUGEL-S

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Nhôm oxyd	400 mg
Magnesi hydroxyd	800,4 mg
Simethicon	80 mg
Tá được vừa đủ.....	10 ml

Chỉ định

Làm dịu các triệu chứng trong rối loạn tiêu hóa liên quan đến tăng tiết acid dạ dày như:Ợ nóng, khó tiêu, nóng bỏng vùng thượng vị, đau bụng, chướng hơi.

Liều dùng

Người lớn: 1 gói x 2 - 4 lần/ngày.

Trẻ em trên 1 tuổi: 0,5 - 1 gói x 2 - 4 lần/ngày.



Hộp 20 gói x 10 ml

GASMAGEL

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Almagat 1000 mg
Tá dược vừa đủ..... 15 ml

Chỉ định

Gasmagel là một thuốc kháng acid có tác dụng mạnh và thời gian tác động kéo dài. Thuốc làm giảm nồng độ acid trong dạ dày. Thuốc được sử dụng để điều trị loét dạ dày, loét tá tràng, viêm dạ dày; tình trạng khó chịu do acid gây ra ở dạ dày (ợ nóng, buồn nôn, nôn, đau dạ dày, chứng ợ); bệnh trào ngược thực quản.

Liều dùng:

Người lớn: dùng 1 gói (15 ml) x 4 lần/ngày.

Trẻ em (6 - 12 tuổi): dùng nửa liều dành cho người lớn.



Hộp 20 gói x 15 ml

THIDAMAGEL

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Almagat 1500 mg
Tá dược vừa đủ..... 15 ml

Chỉ định

Thidamagel là một thuốc kháng acid có tác dụng mạnh và thời gian tác động kéo dài. Thuốc làm giảm nồng độ acid trong dạ dày. Thuốc được sử dụng để điều trị loét dạ dày, loét tá tràng, viêm dạ dày, tình trạng khó chịu do acid gây ra ở dạ dày (ợ nóng, buồn nôn, nôn, đau dạ dày, chứng ợ); bệnh trào ngược thực quản.

Liều dùng:

Người lớn: dùng 1 gói (15 ml) x 3 lần/ngày.

Trẻ em (6 - 12 tuổi): dùng nửa liều dành cho người lớn.



Hộp 20 gói x 15 ml

BECORIDONE NEW

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần: 1 ml hỗn dịch chứa:

Domperidon maleat 1,27 mg

(Tương đương Domperidon 1 mg)

Tá dược vừa đủ 1 ml

Chỉ định

Điều trị triệu chứng nôn và buồn nôn.

Liều dùng

Từ 12 tuổi trở lên (hoặc từ 35 kg): 10 ml x 3 lần/ngày, tối đa 30 ml/ngày.

Dưới 12 tuổi (hoặc dưới 35 kg): 0,25 - 0,75 mg/kg, tối đa 3 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 25 ml

Hộp 1 chai x 55 ml

BECORIDONE

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

1 ml hỗn dịch chứa:

Domperidon maleat 1,27 mg

(Tương đương Domperidon 1 mg)

Tá dược vừa đủ 1 ml

Chỉ định

Điều trị triệu chứng nôn và buồn nôn.

Liều dùng

Từ 12 tuổi trở lên (hoặc từ 35 kg): 10 ml x 3 lần/ngày, tối đa 30 ml/ngày.

Dưới 12 tuổi (hoặc dưới 35 kg): 0,25 - 0,75 mg/kg, tối đa 3 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 30 ml



YPHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI



10 NHÓM ĐIỀU TRỊ



CẨM XUYÊN HƯƠNG

NHÓM CẨM XUYÊN HƯƠNG

Thành phần

Xuyên khung; Bạch chỉ; Hương phụ; Quế chi;
Sinh khương; Cam thảo bắc

Chỉ định

Điều trị cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi do cảm lạnh.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi: 3 - 4 viên x 3 - 4 lần/ngày.

Trẻ em từ 30 tháng tuổi - 12 tuổi: 1 - 2 viên x 3 - 4 lần/ngày.



Mẫu cũ



Mẫu mới

Hộp 10 vỉ x 10 viên

CỐM CẨM XUYÊN HƯƠNG

NHÓM CẨM XUYÊN HƯƠNG

Thành phần

Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế chi,
Sinh khương, Cam thảo bắc.

Chỉ định

Điều trị cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi.

Liều dùng

Từ 6 tháng - 1 tuổi: 1 gói x 2 lần/ngày.

Từ 1 - 5 tuổi: 1 gói x 3 lần/ngày.

Từ 5 - 12 tuổi: 2 gói x 2 lần/ngày.

Từ 12 tuổi trở lên và người lớn: 2 gói x 3 lần/ngày.



Hộp 20 gói x 2g

SIRO CẨM XUYỀN HƯƠNG

NHÓM CẨM XUYỀN HƯƠNG

Thành phần

Cát cánh, Kinh giới, Tử yển, Bách bộ, Xuyên khung, Hương phụ, Cam thảo, Trần bì.

Chỉ định

Điều trị cảm lạnh, cảm cúm, hắt hơi, sổ mũi, ngạt mũi.

Điều trị các chứng ho do lạnh, ho đờm nhiều.

Liều dùng

Từ 30 tháng tuổi - 7 tuổi: 7,5 ml x 2 - 3 lần/ngày.

Từ 7 - 12 tuổi: 10 ml x 2 - 3 lần/ngày.

Trên 12 tuổi: 15 ml x 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 60 ml

CẨM XUYỀN HƯƠNG PLUS

NHÓM CẨM XUYỀN HƯƠNG

Thành phần

Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế chi, Sinh khương, Cam thảo bắc.

Chỉ định

Điều trị các trường hợp cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi do cảm lạnh.

Liều dùng

Từ 6 - 12 tháng: 5 ml x 2 lần/ngày.

Từ 1 - 5 tuổi: 7,5 ml x 2 lần/ngày.

Từ 5 - 10 tuổi: 10 ml x 2 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 60 ml

Hộp 1 chai x 100 ml

CẨM XUYỀN HƯƠNG

(BỘT PHA NƯỚC TẮM)

NHÓM CẨM XUYỀN HƯƠNG

Thành phần

Xuyên khung; Bạch chỉ; Hương phụ; Quế nhục; Can khương;
Cam thảo bắc.

Công dụng

Sử dụng bột Cẩm Xuyên Hương Yên Bái để pha nước tắm phòng và hỗ trợ điều trị cảm cúm, cảm lạnh. Dùng được cho mọi lứa tuổi, đặc biệt tốt cho trẻ em, người già yếu, phụ nữ sau sinh và người mới ốm dậy.

Cách dùng

Cho 1 thìa (10 g) vào 2 lít nước sôi, khuấy đều. Lọc qua khăn vải. Hòa thêm nước đến lượng vừa đủ ấm để tắm.



Hộp 1 gói x 100 g

CẨM XUYỀN HƯƠNG

(NƯỚC TẮM GỘI)

NHÓM CẨM XUYỀN HƯƠNG

Thành phần

Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế nhục, Can khương,
Cam thảo bắc.

Công dụng

Làm giảm và phòng ngừa các triệu chứng cảm cúm, cảm lạnh.

Cách dùng

Ngâm chân: dùng 10 ml dung dịch (khoảng ½ nắp chai).
Tắm gội: dùng 20 ml dung dịch (khoảng 1 nắp chai).



Hộp 1 chai x 250 ml

AN THẦN

AN THẦN

Thành phần: Táo nhân; Tâm sen; Thảo quyết minh;
Đảng tâm thảo; Calci carbonat; Bột talc; Magnesi stearat

Chỉ định

Trị khó ngủ, mất ngủ đặc biệt ở người cao tuổi, người suy nhược thần kinh, người lao động trí óc nhiều. Giảm stress, lo lắng, căng thẳng, tim đập hồi hộp.

Liều dùng

2-3 viên x 3 lần/ngày.
Đợt dùng 2-4 tuần.



Hộp 5 vỉ x 10 viên

BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH

BỔ HUYẾT

Thành phần: Xuyên khung; Bạch thực; Thực địa; Phục linh ;
Bạch truật; Cam thảo; Ích mẫu; Đương quy; Đảng sâm

Chỉ định

Dưỡng huyết, nhuận sắc, điều kinh. Dùng cho phụ nữ sắc mặt kém tươi, tóc rụng nhiều, kinh nguyệt không đều, đau bụng khi hành kinh.

Liều dùng

3 viên x 3-4 lần/ngày.



Hộp 5 vỉ x 10 viên

SIRO LANGGA

BỔ HUYẾT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Nhân sâm, Trần bì, Hà thủ ô đỏ, Đại táo, Hoàng kỳ, Cam thảo, Đương quy, Thăng ma, Táo nhân, Bạch truật, Sài hồ, Bạch thực.

Chỉ định

Dùng trong các trường hợp: người huyết áp thấp, ăn uống kém, mệt mỏi, đầu đau, choáng váng, chóng mặt.

Liều dùng

Trẻ em từ 30 tháng tuổi – 12 tuổi: 15 ml x 2 lần/ngày.

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 20 ml x 2 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 125 ml

TAM THẤT BỔ MÁU - YB

BỔ HUYẾT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Tam thất.....0,6 g

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Dùng cho người thiếu máu, mệt mỏi, hoa mắt, chóng mặt, nhức đầu, ít ngủ. Người bị thổ huyết, ho ra máu, chảy máu cam, băng huyết, rong kinh, đi tiểu ra máu, hoạt huyết, tiêu sưng.

Liều dùng

Người lớn: 2 viên x 2 – 3 lần/ngày.

Trẻ em: nửa liều người lớn.



Hộp 2 vỉ x 10 viên

ACOCINA

CƠ XƯƠNG KHỚP

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Ô đầu; Mã tiền; Thiên niên kiện; Quế nhục; Đại hồi; Huyết giác;
Tinh dầu long não; Methyl salicylat

Chỉ định

Giảm đau, tiêu sưng. Dùng trong các trường hợp chấn thương,
đau nhức cơ xương khớp, cảm lạnh.

Liều dùng

3 - 4 lần/ngày. Đợt dùng từ 5 - 7 ngày.



Hộp 1 chai x 30 ml

Hộp 1 chai x 40 ml

Hộp 1 chai x 80 ml

TÔ MỘC YB

HOẠT HUYẾT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Cao khô tô mộc

Chỉ định

Dùng trong trường hợp: tỳ máu, sưng do chấn
thương. Đau bụng do kinh nguyệt bế, sau khi đẻ
bị huyết ứ trường đau. Chữa lỵ ra máu, đau ruột.
Xích bạch đới.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 20 gói x 3 g

HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO

HOẠT
HUYẾT

DUTAMGINKO

(Viên nén bao phim, bao đường)

Thành phần

Cao đặc Đinh lăng; Cao khô lá Bạch quả

Chỉ định

Dùng trong trường hợp: thiếu năng tuần hoàn não có các biểu hiện đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, mất ngủ, mất thăng bằng. Suy nhược thần kinh, di chứng tai biến mạch máu não, hội chứng tiền đình, suy mạch vành.

Liều dùng

Người lớn: 2 - 3 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Trẻ em: 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 5 vỉ x 20 viên

HOẠT HUYẾT PLUS

HOẠT HUYẾT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Cao đặc rễ đinh lăng 150 mg ; Cao khô lá bạch quả 75 mg

Chỉ định

Phòng và điều trị các bệnh sau: Suy giảm trí nhớ, thiếu năng tuần hoàn não, hội chứng tiền đình, rối loạn tuần hoàn não. Suy tuần hoàn, có các biểu hiện: Đau đầu, chóng mặt, mất ngủ, mất thăng bằng. Làm việc trí óc căng thẳng bị đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, mệt mỏi. Giảm chức năng não bộ: Giảm trí nhớ, suy nhược thần kinh. Chứng run giật của bệnh nhân Parkinson.

Liều dùng

Người lớn: Uống 1 gói lần x 1 - 2 lần/ngày.

Trẻ em trên 12 tuổi: Uống 1 gói lần x 1 lần/ngày.



Hộp 20 gói x 3 g thuốc cốm

BỔ PHẾ TIÊU ĐỜM

HÔ HẤP

Thành phần

Sinh địa, Thực địa, Bách hợp, Mạch môn, Huyền sâm,
Đương quy, Bạch thược, Cát cánh, Cam thảo, Tinh dầu bạc hà.

Công dụng

Chữa ho kéo dài do phế âm hư (ho khan, ho có đờm đặc).

Cách dùng

Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi: 15 ml x 4 lần/ngày.

Từ 6 - 10 tuổi: 10 ml x 4 lần/ngày.

Từ 30 tháng - 5 tuổi: 5 ml x 4 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 125 ml

BỔ PHẾ 100ML

HÔ HẤP

THUỐC KẼ ĐƠN

Thành phần

Bạch linh, Cát cánh, Tang bạch bì, Bán hạ, Bách bộ, Cam
thảo, Tô diệp, Mạch môn, Trần bì, Viễn chí, Tinh dầu bạc hà.

Chỉ định

Trị các chứng ho gió, ho lâu ngày, ho do hàn, ho có đờm
loãng, rất cổ.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi: Mỗi lần 15 ml x 3 lần/ngày

Trẻ em từ 6 - 10 tuổi: Mỗi lần 10 ml x 3 lần/ngày

Trẻ em từ 2 - 5 tuổi: Mỗi lần 5 ml x 3 lần/ngày



Hộp 1 chai x 100 ml

CẨM CÚM - HO YBA

HÔ HẤP

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Cát cánh, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Kinh giới.

Chỉ định

Dùng trong các trường hợp cảm cúm, nhức đầu, trị ho, trừ đờm do cảm lạnh.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 3 - 4 viên x 3 - 4 lần/ngày.

Trẻ em dưới 12 tuổi: 2 - 3 viên x 3 - 4 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

GIẢI CẨM

HÔ HẤP

Thành phần

Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Cao đặc Hương phụ, Khương hoạt, Phòng phong, Thương truật, Hoàng cầm, Sinh địa, Tế tân, Cam thảo.

Chỉ định

Dùng trong các trường hợp cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 3 viên x 3 lần/ngày.

Trẻ em dưới 12 tuổi: 2 viên x 2 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

THUỐC HO THẢO DƯỢC

HỒ HẤP

Thành phần

Cát cánh; Kinh giới; Tử uýển; Bách bộ; Hạnh nhân; Cam thảo;
Trần bì; Mạch môn

Chỉ định

Trị chứng ho do lạnh, ho lâu ngày không dứt, ho đờm nhiều,
khạc đờm khó, viêm phế quản cấp và mạn tính.

Liều dùng

Trẻ em 5 - 12 tuổi: 10 ml x 2 - 3 lần/ngày.

Từ 12 tuổi trở lên: 15 ml x 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 100 ml

NHIỆT MIỆNG YÊN BÀI

THANH NHIỆT - GIẢI ĐỘC

Thành phần

Hoàng liên, Đương quy, Sinh địa, Đan bì, Thăng ma.

Chỉ định

Chữa viêm loét miệng lưỡi (nhiệt miệng), viêm lợi, chảy máu
chân răng, hôi miệng.

Phòng ngừa bệnh tái phát.

Liều dùng

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2 viên

Uống sau bữa ăn 1-2 giờ.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

TIÊU ĐỘC

THANH NHIỆT - GIẢI ĐỘC

Thành phần

Kim Ngân Hoa, Bồ Công Anh, Bạch Linh, Hoàng Liên, Liên Kiều, Kế Đầu Ngựa, Hạ Khô Thảo

Chỉ định

Điều trị dị ứng, mẩn ngứa, ban sởi, mề đay. Giúp thanh nhiệt, giải độc, lương huyết, tiêu viêm. Phòng và điều trị mụn trứng cá, ung nhọt sưng đau.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:

2 - 4 viên/lần x 3 lần/ngày.

Trẻ em dưới 12 tuổi: 2 viên/lần x 3 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

BỔ TỴ

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Đảng sâm; Bạch truật; Bạch linh; Cam thảo; Thực địa; Liên nhục; Đại táo; gừng tươi

Chỉ định

Kích thích tiêu hóa, giúp ăn ngon miệng. Dùng cho trẻ chán ăn, còi xương, suy dinh dưỡng, chậm lớn. Dùng cho người lớn trong thời kỳ dưỡng bệnh.

Liều dùng

Trẻ từ 6 tháng - 3 tuổi: 10 ml x 3 - 4 lần/ngày.

Từ 3 - 12 tuổi: 15 ml x 3 - 4 lần/ngày.

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 20 ml x 3 - 4 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 125 ml

ĐẠI TRÀNG HOÀN

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Bạch truật; Mộc hương; Hoàng liên; Cam thảo; Bạch linh;
Đẳng sâm; Thần khúc; Trần bì; Mạch nha; Sơn tra; Sa nhân; Nhục
đậu khấu; Sơn dược

Chỉ định

Điều trị viêm đại tràng mãn tính, tiêu chảy mãn tính, đau bụng,
đầy hơi, ăn uống khó tiêu.

Liều dùng

2 gói x 3 lần/ngày. Uống sau bữa ăn với nước đun sôi để nguội.



Hộp 10 gói x 4 g

FOLITAT DẠ DÀY

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Lá khô; Khổ sâm; Dạ Cầm; Cỏ hàn the; Ô tặc cốt

Chỉ định

Điều trị viêm loét dạ dày, hành tá tràng, viêm loét bờ cong lớn,
bờ cong nhỏ, viêm dạ dày cấp và mãn tính, viêm đại tràng.
Các triệu chứng ăn không tiêu, đầy bụng, ợ hơi, ợ chua, buồn nôn,
cảm giác khó chịu ở dạ dày.

Liều dùng

Người lớn: 1 - 2 viên x 3 lần/ngày

Trẻ em: 1 viên x 2 lần/ngày



Hộp 10 vỉ x 10 viên

HƯƠNG LIÊN YBA

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Hoàng liên, Vân mộc hương, Đại hồi, Quế, Đinh hương;
Sa nhân

Chỉ định

Điều trị tiêu chảy, viêm tiểu tràng, đại tràng, lỵ trực tràng, rối loạn tiêu hóa.

Liều dùng

Từ 2 - 7 tuổi: 1 viên x 2 lần/ ngày.

Từ 8 - 12 tuổi: 1 viên x 3 lần/ngày.

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 2 viên x 3 lần/ngày.



Hộp 2 vỉ x 10 viên

HƯƠNG LIÊN HOÀN

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Hoàng liên, Vân mộc hương, Đại hồi, Sa nhân,
Quế nhục, Đinh hương.

Chỉ định

Điều trị tiêu chảy, viêm tiểu tràng, đại tràng,
rối loạn tiêu hóa.

Liều dùng

Từ 2 - 7 tuổi: 1/3 gói x 3 - 4 lần/ngày.

Từ 8 - 12 tuổi: 1/2 gói x 3 - 4 lần/ngày.

Trên 12 tuổi: 1 gói x 3 - 4 lần/ngày.



Hộp 10 gói x 4g

H'TIÊN YBA

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Bạch truật; Hoàng kỳ; Đảng sâm; Phục thần; Mộc hương; Toan táo nhân; Đường quy; Viễn chí; Trích Cam thảo

Chỉ định

Kích thích tiêu hóa, làm ăn ngon miệng, ngủ ngon, hồi phục sức khỏe cho các trường hợp:

- Trẻ em biếng ăn, gầy còm, suy dinh dưỡng, ngủ không an giấc.
- Người mới ốm dậy; người già yếu, cơ thể mệt mỏi, hoa mắt chóng mặt, mất ngủ.

Liều dùng

Từ 6 - 12 tuổi: 15 ml x 3 lần/ngày.

Trên 12 tuổi: 20 ml x 3 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 125 ml

PHUGIA

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Cam thảo, Bạch truật, Can khương, Mạch nha, Phục linh, Bán hạ chế, Đảng sâm, Hậu phác, Chỉ thực, Ngô thù du.

Chỉ định

Điều trị viêm loét dạ dày, hành tá tràng, đau vùng thượng vị, đầy bụng, ợ hơi, ợ chua, ăn uống không tiêu.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 3 viên, 2 - 3 lần/ngày.

Trẻ em 8 - 12 tuổi: 2 viên, 2 - 3 lần/ngày.

Trẻ em từ 2 - 7 tuổi: 1 viên, 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

TRITA - YBA

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Hoàng kỳ; Bạch truật; Đảng sâm; Dương quy; Trần bì; Cam thảo;
Sài hồ; Thăng ma; Nhục thung dung; Bả tử nhân; Vàng đen

Chỉ định

Chuyên trị táo bón, trĩ nội, trĩ ngoại.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1 - 2 gói x 3 lần/ngày.

Từ 6 - 11 tuổi: Uống bằng nửa liều người lớn.



Hộp 10 gói x 4 g

BỔ THẬN ÂM

TIẾT NIỆU

Thành phần

Thực địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mấu đơn bì,
Phục linh, Trạch tả.

Chỉ định

Dùng cho người gầy yếu, mệt mỏi, nóng khát,
ra mồ hôi trộm, vầng đầu, chóng mặt, ù tai,
đau lưng, mỏi gối, di mộng tinh.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 15 tuổi: 1 gói x 3 lần/ngày.

Trẻ em từ 5 - 15 tuổi: ½ gói x 3 lần/ngày.



Hộp 10 gói x 4 g

ENTEKA - YB

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Xuyên khung, Xích thước, Sinh địa, Đào nhân, Hồng hoa, Sài hồ, Cam thảo, Ngưu tất, Cát cánh, Chỉ xác, Đường quy.

Chỉ định

Dùng trong trường hợp: tăng cholesterol máu; đau đầu, choáng váng, chóng mặt, mệt mỏi, hay quên; hỗ trợ phòng và điều trị cơn đau thắt ngực.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:

2 - 3 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Trẻ em dưới 12 tuổi: 1 - 2 viên x 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 2 vỉ x 10 viên

BỔ PHẾ YB

TPBVSK

Thành phần

Bột Xuyên tâm liên; Cao hỗn hợp thảo dược (Bách bộ, Sinh Thạch cao, Cam thảo); bột Trần bì; bột Kinh giới

Công dụng

Hỗ trợ bổ phế, hỗ trợ giảm ho, giảm đờm do viêm họng.

Cách dùng

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 3 viên.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

AN THẦN YB

TPBVSK

Thành phần

Cao hỗn hợp thảo dược (Lạc tiên, Lá dâu, Lá vông nem), Bột Liên tâm, Bột Hoài sơn.

Công dụng

Hỗ trợ an thần, giúp dễ ngủ.

Cách dùng

3 viên/ngày.

Uống trước khi ngủ 30 - 60 phút.



Hộp 3 vỉ x 10 viên



YPHARCO HEALTHCARE

THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

YPHARCO
HEALTHCARE

TRINH NỮ HOÀNG CUNG YB

TPBVSK

Thành phần

Cao Trinh nữ hoàng cung 150 mg; Cao Tam thất 40 mg.

Công dụng

Hỗ trợ hạn chế sự phát triển của u xơ tử cung, u vú lành tính.

Cách dùng

Phụ nữ trưởng thành: Uống 1 viên x 2 lần/ngày



Hộp 1 chai x 60 viên

MỘC HOA TRẮNG YB

TPBVSK

Thành phần

Cao khô hỗn hợp thảo mộc thô 143 mg (Chè dây 750 mg; Bạch truật 450 mg; Sa nhân 230 mg); Cao Mộc hoa trắng 136 mg; Cao Mộc hương 45 mg.

Công dụng

Hỗ trợ giảm các triệu chứng rối loạn tiêu hoá: đau bụng, đầy bụng, đi ngoài phân lỏng, phân sống do viêm đại tràng.

Cách dùng

Người lớn: Uống 1 viên/lần x 2 lần/ngày



Hộp 1 chai x 60 viên

GIẢI RƯỢU YB

TPBVS

Thành phần

Mỗi 10 ml cao lỏng chứa:

Lá dong 4,17 g, Cà gai leo 0,67 g, Rau má 0,67 g, Đẳng sâm 0,33 g, Chè dây (lá) 0,25 g, Sắn dây (rễ củ) 0,17 g, Khúng khếng 0,12 g, Actiso 0,05 g.

Công dụng

Hỗ trợ thanh nhiệt, giải độc gan.

Hỗ trợ giải rượu.

Hỗ trợ hạn chế các biểu hiện nôn, khát, khô cổ ở người uống rượu.

Cách dùng

Người lớn: Ngày 2 lần, mỗi lần 20 ml. Nên uống 20 ml trước khi uống rượu 30 - 60 phút và 20 ml sau khi uống rượu.

* Lắc kỹ trước khi uống, có thể uống trực tiếp hoặc pha loãng với nước.



Hộp 10 gói x 20ml

GIẢI ĐỘC GAN YB

TPBVS

Thành phần

Cao khô Cà gai leo, Cao hỗn hợp thảo dược (Kim ngân hoa, Bồ công anh, Bạch linh, Sâm đại hành, Ngưu bàng tử, Ké đầu ngựa), Bột Liên kiều.

Công dụng

Hỗ trợ thanh nhiệt, giải độc gan, bảo vệ gan, giảm triệu chứng mẩn ngứa, mề đay, mệt mỏi, vàng da do chức năng gan kém.

Cách dùng

2 viên x 3 lần/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

KIM TIẾN THẢO YB

TPBVS

Thành phần

Cao hỗn hợp thảo dược (Râu ngô, Cỏ xước, Cỏ nhọ nồi, Chuối hột, Râu mèo, Thực địa), Cao khô Kim tiền thảo, Bột Bạch thực.

Công dụng

Hỗ trợ lợi tiểu, giảm các triệu chứng tiểu rắt, tiểu buốt.

Cách dùng

Uống trước bữa ăn và uống với nhiều nước.

Ngày uống 2 lần x 3 viên/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

HOẠT HUYẾT YB

TPBVSK

Thành phần

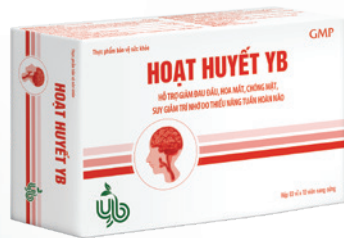
Cao hỗn hợp thảo dược (Thực địa, Xích thực, Ngưu tất, Đan sâm, Xuyên khung, Hồng hoa, Đương quy, Ích mẫu, Chỉ xác, Sài hồ, Cam thảo), Bột Đương quy, Bột Đậu tương lên men, Cao khô Đinh lăng, Cao khô lá Bạch quả.

Công dụng

Hỗ trợ hoạt huyết, hỗ trợ giảm các triệu chứng đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, suy giảm trí nhớ do thiếu năng tuần hoàn não.

Cách dùng

2 viên x 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

AMAK

TPBVSK

Thành phần

Cao khô AmaK 150 mg tương đương với:

Tơm Trơng Nensô 750 mg

Nam Dong 300 mg

Tom Ngleng 150 mg

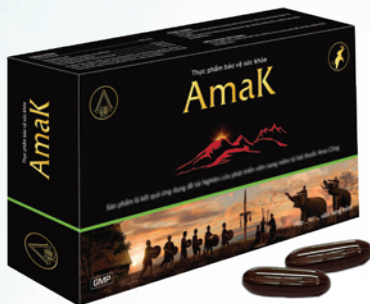
Công dụng

Hỗ trợ bổ thận, tráng dương, tăng cường sinh lực, hỗ trợ cải thiện sinh lý nam giới.

Hỗ trợ giảm triệu chứng: đau lưng, mỏi gối, đi tiểu nhiều lần, sinh lý yếu dẫn do thận kém.

Cách dùng

2 viên/lần x 2 lần/ngày (sáng và tối)



Hộp 3 vỉ x 10 viên

AMAKING

TPBVSK

Thành phần

Hỗn hợp cao thảo mộc 150 mg [Tương đương với: Tơm Trơng Nensô

(*Urceola minutiflora*) 750 mg, Nam Dong (*Smilax glabra*) 300 mg,

Tom Ngleng (*Micromelum minutum*) 150 mg]

L-Arginine HCl 150 mg (Tương đương L-Arginine 124 mg)

Kẽm gluconat 18 mg (Tương đương Kẽm 2,58 mg)

Công dụng

Hỗ trợ tăng cường sinh lý nam giới.

Cách dùng

Uống 2 viên/lần x 2 lần/ngày vào buổi sáng và buổi tối.



Hộp 1 chai x 30 viên

AN XUÂN KHANG YB

TPBVSK

Thành phần

Cao hỗn hợp thảo dược (Đảng sâm, Thục địa, Hương phụ, Đường quy, Bạch truật, Bạch linh, Toan táo nhân, Long nhân, Đại táo, Maca), Bột Mầm đậu nành, Bột Maca, Bột Hạt lanh, Bột Sâm tố nữ.

Công dụng

Hỗ trợ giảm các triệu chứng bốc hỏa, mất ngủ, khô da, suy giảm sinh lý do suy giảm sinh lý do suy giảm nội tiết tố nữ.

Cách dùng

2 viên x 2 lần/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

BỔ THẬN YB

TPBVSK

Thành phần

Cao hỗn hợp thảo dược (Đỗ trọng, Kiềm thực, Hà thủ ô đỏ, Nguưu tấ, Ba kích, Nhục quế, Đảng sâm, Tiểu hồi), Bột Dâm dương hoắc, Bột Hoài sơn, Bột Sâm cau, Bột Mẩu lệ, Bột Cá ngựa.

Công dụng

Bổ thận tráng dương, hỗ trợ cải thiện sinh lý nam giới. Hỗ trợ giảm triệu chứng: đau lưng, mỏi gối, tiểu đêm nhiều lần do thận kém.

Cách dùng

2 viên x 2 lần/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

ACTIVITA PLUS

TPBVSK

Thành phần

Vitamin C (Acid ascorbic) 60,0 mg, Vitamin PP (Nicotinamid) 8,0 mg, Vitamin E (DL-alpha-tocopheryl acetat) 6,0 mg, Vitamin B5 (D-calci pantothenat) 5,0mg, Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) 1,4 mg, Vitamin B2 (Riboavin) 1,4 mg, Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 1,4 mg, Vitamin B9 (Acid folic) 160,0 mcg.

Công dụng

Bổ sung các vitamin C, E và các vitamin nhóm B (B1, B2, PP, B5, B6, B9) cho cơ thể.

Hỗ trợ tăng cường sức đề kháng, tăng cường sức khỏe.

Hỗ trợ cải thiện tình trạng mệt mỏi, chán ăn.

Cách dùng

Trẻ từ 3 - 12 tuổi: Uống 1 viên/lần/ngày (khi sử dụng phải có sự giám sát của người lớn).

Trẻ trên 12 tuổi và người lớn: Uống 1 viên/lần, ngày 2 lần.

Hòa tan viên sủi vào 150 - 200ml nước nguội, đợi bọt tan hết rồi uống.



Tuýp 10 viên nén sủi

Tuýp 20 viên nén sủi



VIETNAT
Source of Health

VIETNAT



VIETNAT
Source of Health

HEXSPAN



TPBVS

CHIẾT XUẤT LÁ THƯỜNG XUÂN

Hộp 05 vỉ x 4 viên ngậm

Thành phần Trong 1 viên ngậm 2 g chứa:

Bột chiết xuất lá Thường xuân.....	20 mg
(Nhập khẩu Pháp)	
Tinh dầu Bạc hà	20 mg
Tinh dầu Tràm	0,5 mg
Tinh dầu Húng chanh	0,2 mg

Công dụng Hỗ trợ giảm ho, giảm đờm, giảm đau họng, giảm khàn tiếng do viêm họng, viêm phế quản.

Cách dùng Người lớn: 1 viên x 4 - 6 lần/ngày.
Trẻ em trên 6 tuổi: 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.
Trẻ nhỏ dưới 12 tuổi: chia viên thành nhiều phần nhỏ cho trẻ ngậm từng chút một dưới sự giám sát của người lớn.

HỖ TRỢ:
GIẢM HO, GIẢM ĐỜM
GIẢM ĐAU HỌNG,
GIẢM KHÀN TIẾNG



ENTEROGO

TPBVS

Thành phần: Mỗi 5 ml hỗn dịch chứa:

Bacillus clausii 3 tỷ bào tử

Bacillus subtilis 0,5 tỷ bào tử

Công dụng

Bổ sung lợi khuẩn, giúp cân bằng hệ vi sinh đường ruột.

Hỗ trợ làm giảm rối loạn tiêu hóa do loạn khuẩn đường ruột.

Cách dùng

Trẻ từ 6 tháng - 12 tuổi: 5 ml/ngày.

Từ 12 tuổi trở lên: 5 - 10 ml/ngày.

Dùng được cho phụ nữ mang thai và cho con bú.



**BỔ SUNG LỢI KHUẨN
ĐƯỜNG RUỘT KHỎE MẠNH**

Hộp 4 vỉ x 5 ống



BIOPHARCO

BIOLAC

MEN VI SINH - MEN TIÊU HÓA

Thành phần

Men vi sinh *Lactobacillus*

<i>L. acidophilus</i>	$10^6 - 10^7$ CFU
<i>L. sporogenes</i>	$10^6 - 10^7$ CFU
<i>L. kefir</i>	$10^6 - 10^7$ CFU

Chỉ định

Điều trị rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, táo bón, viêm ruột cấp và mãn tính, đi ngoài phân sống, giúp cân bằng và phục hồi hệ vi sinh đường ruột.

Liều dùng

Từ 6 - 18 tuổi: 1 - 2 viên/ngày.

Trên 18 tuổi: 2 - 4 viên/ngày.



Hộp 10 gói x 1 gam

Hộp 10 vỉ x 10 viên

Hộp 1 chai x 100 viên

BIOSUBTYL-II

MEN VI SINH - MEN TIÊU HÓA

Thành phần

<i>Bacillus subtilis</i>	$10^7 - 10^8$ CFU
Tá dược vừa đủ	1 g

Chỉ định

Điều trị rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, táo bón, viêm ruột cấp và mãn tính, đi ngoài phân sống.

Liều dùng

Người lớn: 2 - 4 gói/ngày.

Trẻ em: 1 - 2 gói/ngày.



Hộp 25 gói x 1 g

Hộp 50 gói x 1 g

ENTEROGOLDS

MEN VI SINH - MEN TIÊU HÓA

Thành phần

Bacillus clausii 2 tỷ lợi khuẩn
Tá được vừa đủ 500 mg

Chỉ định

Điều trị và phòng ngừa rối loạn vi sinh đường ruột và bệnh lý kém hấp thu vitamin; hỗ trợ phục hồi hệ vi sinh đường ruột bị ảnh hưởng khi dùng thuốc kháng sinh hoặc hóa trị. Rối loạn tiêu hóa cấp và mạn tính.

Liều dùng

Trẻ em từ 6 tuổi trở lên: uống mỗi lần 1 viên x 1 - 2 lần/ngày.
Người lớn: uống mỗi lần 1 viên x 3 - 4 lần/ngày.



Hộp 6 vỉ x 10 viên

Hộp 1 chai x 60 viên

ENTEROGRAN

MEN VI SINH - MEN TIÊU HÓA

Thành phần

Bacillus Clausii 2 tỷ lợi khuẩn
Tá được vừa đủ 1 g

Chỉ định

Điều trị và phòng ngừa rối loạn vi sinh đường ruột và bệnh lý kém hấp thu vitamin; hỗ trợ phục hồi hệ vi sinh đường ruột bị ảnh hưởng khi dùng thuốc kháng sinh hoặc hóa trị. Rối loạn tiêu hóa cấp và mạn tính.

Liều dùng

Trẻ em: 1 gói x 1 - 2 lần/ngày.
Trẻ em bị tiêu chảy, phân sống: 1 gói x 3 lần/ngày.
Người lớn: 1 gói x 3 - 4 lần/ngày.



Hộp 20 gói x 1 g

BIOSUBTILIS

TPBVSK

Thành phần

Bacillus subtilis $10^6 - 10^8$ CFU
L - lysine hydroclorid 15 mg

Công dụng

Bổ sung men vi sinh và L - lysine giúp gia tăng khả năng tiêu hóa, kích thích ăn ngon, gia tăng chuyển hóa và hấp thụ dinh dưỡng.

Hỗ trợ giảm nguy cơ và các biểu hiện rối loạn tiêu hóa do loạn khuẩn đường ruột.

Liều dùng

Trẻ em trên 2 tuổi: suy dinh dưỡng, biếng ăn, gầy yếu:

1 - 2 gói/ngày.

Bị tiêu chảy, phân sống, không dung nạp lactose và sữa:

3 gói/ngày, 3 - 4 giờ dùng 1 gói.

Người lớn: 3 - 4 gói/ngày.



Hộp 25 gói x 1 g

BIO THYMOLUS

TPBVSK

Thành phần

Bacillus subtilis $10^6 - 10^8$ CFU
Bacillus clausii $10^6 - 10^8$ CFU
Thymomodulin 19,50 mg
Kẽm gluconat 2,2 mg
Vitamin B1 0,57 mg; Vitamin B2 0,48 mg
Vitamin B6 0,52 mg; Vitamin PP 0,26 mg
L - lysine hydroclorid 44 mg

Công dụng

Bổ sung probiotic có lợi cho đường ruột và vitamin, giúp tăng cường chuyển hóa, tăng cường sức đề kháng, hỗ trợ duy trì và phục hồi sức khỏe tổng thể.

Cách dùng

Trẻ từ 6 tháng đến 1 tuổi: 1 gói/ngày.

Trẻ từ 1 tuổi đến 6 tuổi: 2 - 3 gói/ngày.

Trên 6 tuổi: 3 - 4 gói/ngày.



Hộp 10 gói x 3 g

ORESOL-II

TPBVSK

Thành phần

Trong 1 gói bột Oresol - II 4,15g có:

Glucose khan.....	2,70 g
Natri clorid	0,52 g
Natri citrat dihydrat.....	0,58 g
Kali clorid	0,30 g
Hương cam vừa đủ	4,15 g

Công dụng

Bổ sung nước và điện giải.

Cách dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 40 gói x 4,15 g



MEYER -BPC

BECORAC 250

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

Thành phần

Acid mefenamic 250 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Giảm đau trong trường hợp đau do thần kinh từ nhẹ đến trung bình, nhức đầu, đau nửa đầu, đau sau chấn thương, đau sau khi sinh, đau sau khi mổ, đau răng, đau hạ vị.

Đau và sốt kèm theo sau các tình trạng viêm, đau bụng kinh.

Liều dùng

Người lớn: 2 viên x 3 lần/ngày.



Hộp 2 vỉ x 10 viên

BEFADOL EXTRA

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

Thành phần:

Paracetamol 500 mg

Cafein 65 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị triệu chứng cảm cúm: Đau đầu, sốt, đau họng, đau nhức cơ.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi:

1 - 2 viên/lần, 4 - 6 giờ/lần,

không quá 8 viên/ngày.



Hộp 1 vỉ x 10 viên

BEFADOL PLUS

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

Thành phần

Paracetamol 650 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Giảm đau nhẹ và vừa trong các chứng nhức đầu, đau nhức xương khớp, đau nhức do cảm cúm, đau bụng kinh, hạ sốt.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi: 1 viên x 3 lần/ngày, 4 - 6 giờ/lần, không quá 6 viên/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

Hộp 1 chai x 100 viên

MEFENAMIC

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

Thành phần

Acid mefenamic 500 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Giảm đau từ nhẹ đến trung bình như đau cơ, nhức đầu, đau do chấn thương, đau hậu phẫu, đau bụng kinh, đau răng.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1 viên x 3 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên nén

MELOXICAM

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Meloxicam 7,5 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Meloxicam được chỉ định điều trị triệu chứng của:

- Viêm xương khớp (thoái hoá khớp)
- Viêm khớp dạng thấp
- Viêm khớp dạng thấp thiếu niên ở bệnh nhân có cân nặng từ 60 kg trở lên.

Liều dùng

Uống 1 - 2 viên x 1 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

PIROXICAM

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Piroxicam 20 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Sử dụng ngắn hạn để điều trị triệu chứng trong các trường hợp sau:

- Viêm khớp dạng thấp và viêm xương khớp, thoái hoá khớp.
- Viêm cột sống dính khớp, bệnh cơ xương cấp và chấn thương trong thể thao.
- Thống kinh và đau sau phẫu thuật.
- Bệnh gút cấp.

Liều dùng

1 - 2 viên x 1 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

Hộp 1 chai x 100 viên

MEPRED 4

HORMON - NỘI TIẾT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Methylprednisolon 4 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Bất thường chức năng vỏ thượng thận.

Viêm da dị ứng, viêm đường hô hấp dị ứng, viêm khớp, thấp khớp, bệnh vẩy máu

Viêm khớp dạng thấp.

Lupus ban đỏ, hen phế quản, viêm loét đại tràng, thiếu máu tan máu, giảm bạch cầu hạt.

Liều dùng

Người lớn có thể khởi đầu từ 6 – 40 mg/ngày.

Liều pháp hàng ngày:

Dùng 1 liều duy nhất/2 ngày.

Uống 1 – 2 viên x 1 lần/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

MEPRED 16

HORMON - NỘI TIẾT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Methylprednisolon 16 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Mepred-16 được chỉ định trong các trường hợp đòi hỏi tác dụng của glucocorticoid như:

- Rối loạn nội tiết
- Rối loạn do thấp khớp
- Bệnh hệ thống tạo keo
- Bệnh thuộc về da

Liều dùng

Người lớn có thể khởi đầu từ 6 – 40 mg/ngày.

Liều pháp hàng ngày: dùng 1 liều duy nhất/2 ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

DEXACIN

HORMON - NỘI TIẾT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Dexamethason 0,5 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Dị ứng: Sốc phản vệ, phù Quincke nghiêm trọng

Nhiễm trùng: Viêm thanh quản rít ở trẻ em; Sốt thương hàn nặng kèm sốt, lú lẫn, hôn mê.

Thần kinh: Phù não do khối u, áp xe

Tai mũi họng: Viêm thanh quản khó thở.

Liều dùng

Người lớn: 0,5 - 10 mg/ngày.

Trẻ em trên 10 tuổi: 0,01 - 0,1 mg/kg/ngày.



Hộp 1 chai x 500 viên

PREDNISOLONE

HORMON - NỘI TIẾT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Prednisolon 5 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Chống viêm, ức chế miễn dịch trong các bệnh: viêm khớp dạng thấp, lupus ban đỏ toàn thân, một số thể viêm mạch, bệnh Sarcoid, hen phế quản, viêm loét đại tràng, thiếu máu tan huyết, giảm bạch cầu hạt và những bệnh dị ứng nặng gồm cả phản vệ.

Liều dùng

Người lớn: 5 - 60 mg/ngày.

Trẻ em: 0,14 - 2 mg/kg thể trọng/ngày.



Hộp 1 chai x 500 viên

BECOBROL 30

HÔ HẤP

Thành phần

Ambroxol hydroclorid.....30 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Làm loãng chất nhầy (hoặc đờm) và tăng thanh thải chất nhầy.
Bệnh cấp và mãn tính ở đường hô hấp có kèm tăng tiết dịch đặc biệt là trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản, viêm phế quản dạng hen.

Bệnh nhân sau mổ và cấp cứu để phòng các biến chứng ở phổi.

Liều dùng

Từ 5 - 10 tuổi: ½ viên x 2 - 3 lần/ngày.

Trên 10 tuổi: 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 2 vỉ x 10 viên

BECOCYSTEIN

HÔ HẤP

Thành phần

Acetylcystein 200 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Được chỉ định làm thuốc tiêu chất nhầy trong bệnh hen suyễn, bệnh lý hô hấp có đờm nhầy quánh như trong viêm phế quản cấp và mạn, làm sạch đường quy trong mở khí quản.

Liều dùng

Trên 6 tuổi: 1 viên x 3 lần/ngày.

Từ 2 - 6 tuổi: 1 viên x 2 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

DEXTROMETHORPHAN

HÔ HẤP

THUỐC KẼ ĐƠN

Thành phần

Dextromethorphan hydrobromid..... 10 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị triệu chứng ho do họng và phế quản bị kích thích khi cảm lạnh thông thường hoặc khi hít phải chất kích thích.

Ho không có đờm, mạn tính.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 1 chai x 100 viên

ALLER FORT

KHÁNG DỊ ỨNG

Thành phần

Clorpheniramin maleat..... 2 mg

Phenylephrin hydroclorid..... 10 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị viêm mũi dị ứng mùa và quanh năm, viêm mũi vận mạch do histamin, viêm kết mạc dị ứng, sổ mũi, sung huyết mũi.

Liều dùng

Người lớn: 1 viên x 3 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

Hộp 1 chai x 100 viên

BECOSTURON

KHÁNG DỊ ỨNG

Thành phần

Cinnarizin 25 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Say tàu xe, rối loạn tiền đình như chóng mặt, ù tai, buồn nôn, nôn.

Liều dùng

Liều dùng tùy thuộc độ tuổi và chỉ định: 0,5 - 1 viên/lần, tối đa 3 lần/ngày.



Hộp 5 vỉ x 10 viên

CETIRIZIN

KHÁNG DỊ ỨNG

Thành phần

Cetirizin dihydroclorid 10 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng quanh năm, viêm mũi theo mùa, mày đay mãn tính, dị ứng da, ngứa, phụ trợ trong điều trị hen, viêm kết mạc dị ứng.

Liều dùng

Uống liều duy nhất 1 viên/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

CLORPHENIRAMIN

KHÁNG DỊ ỨNG

Thành phần

Clorpheniramin maleat 4 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị triệu chứng dị ứng ở người lớn và trẻ em từ 6 tuổi trở lên như:
Mày đay, viêm mũi vận mạch do histamin, viêm kết mạc dị ứng, viêm
da tiếp xúc, phù mạch, phù Quincke, dị ứng thức ăn, phản ứng huyết
thanh; cơn tròng đốt; thủy đậu.

Liều dùng

Từ 6 - 12 tuổi: ½ viên/mỗi 4 - 6 giờ.
Trên 12 tuổi: 1 viên/mỗi 4 - 6 giờ.



Hộp 1 chai x 500 viên

CORITYNE

KHÁNG DỊ ỨNG

Thành phần

Loratadin 10 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị triệu chứng của viêm mũi dị ứng và mày đay mạn tính
vô căn ở người lớn và trẻ em trên 2 tuổi có trọng lượng cơ thể
trên 30 kg.

Liều dùng

Trên 12 tuổi: uống liều duy nhất 1 viên/ngày.
Trẻ em 2 - 12 tuổi tùy theo cân nặng:
+ Trọng lượng cơ thể trên 30 kg: uống liều duy nhất 1
viên/ngày.
+ Trọng lượng cơ thể dưới 30 kg: không khuyến cáo sử dụng.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

BEFATROPYL

THẦN KINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Piracetam 800 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị chứng chóng mặt.

Cải thiện một vài triệu chứng suy giảm trí tuệ bệnh lý ở người già như: suy giảm trí nhớ, kém tập trung, thiếu tỉnh táo, thay đổi khí sắc, rối loạn hành vi. . .

Điều trị sau cơn nhồi máu não hay chấn thương sọ não.

Điều trị hỗ trợ chứng khó đọc ở trẻ em.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 5 vỉ x 10 viên

DOMPERIDONE

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Domperidon 10 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị ngắn hạn triệu chứng buồn nôn và nôn nặng do nhiều nguyên nhân khác nhau như sau dùng hóa trị liệu điều trị ung thư, do levodopa hoặc bromocriptin trong điều trị bệnh Parkinson

Liều dùng

Từ 12 tuổi (35 kg) trở lên: 1 viên x 3 lần/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

DROTACOLIC

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Drotaverin hydroclorid40 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Có thắt dạ dày ruột, hội chứng ruột kích thích, đau quặn và co thắt đường mật, tiết niệu, sinh dục và co thắt tử cung.

Liều dùng

Người lớn: 1 - 2 viên x 3 lần/ngày.

Trẻ em trên 6 tuổi: 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Trẻ em 1 - 6 tuổi: ½ - 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

ESOPRAZOL

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Esomeprazol..... 20 mg

Tá dược vừa đủ..... 1 viên

Chỉ định

Điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng; hội chứng Zollinger - Ellison; bệnh trào ngược dạ dày - thực quản.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

MEYERAZOL

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Omeprazol..... 20 mg

Tá được vừa đủ..... 1 viên

Chỉ định

Điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng; bệnh trào ngược dạ dày - thực quản; hội chứng Zollinger - Ellison.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

SORBITOL

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Sorbitol..... 5 g

Chỉ định

Điều trị triệu chứng táo bón và khó tiêu.

Liều dùng

Người lớn:

- Điều trị khó tiêu: 1 - 3 gói/ngày.
- Điều trị táo bón: 1 gói/ngày.

Trẻ em: 1/2 liều người lớn.



Hộp 20 gói x 5 g

SPAS-MEYER

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Alverin citrat 40 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Giảm co thắt cơ trơn ở đường tiêu hoá như hội chứng ruột kích thích, bệnh đau túi thừa của ruột kết, đau do co thắt đường mật, cơn đau quận thận; thống kinh nguyên phát

Liều dùng

Trên 12 tuổi: 2 - 3 viên x 1 - 3 lần/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

FORCLAMIDE 3MG

ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Glimepirid 3 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Tiểu đường không phụ thuộc insulin (type II) ở người lớn, khi nồng độ đường huyết không thể kiểm soát thỏa đáng được bằng chế độ ăn kiêng, tập thể dục và giảm cân nặng đơn thuần.

Liều dùng

Khởi đầu: 1 mg/ngày.

Tăng liều theo nồng độ đường huyết.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

BECOPANTHYL

TIM MẠCH (RỐI LOẠN LIPID HUYẾT)

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Fenofibrat 160 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Chứng tăng cholesterol máu (type IIa) và tăng triglyceride máu nội sinh đơn lẻ (type IV) hay phối hợp type (IIb và III) ở người lớn, sau khi áp dụng chế độ ăn kiêng thích hợp và điều trị nhưng không hiệu quả. Điều trị tăng lipoprotein máu thứ phát dai dẳng cho dù đã điều trị bệnh nguyên.

Việc điều trị phối hợp với chế độ ăn.

Liều dùng

Phối hợp với chế độ ăn kiêng, uống vào bữa ăn chính.

Người lớn: 1 viên/ngày.

Trẻ em trên 10 tuổi: liều tối đa 5mg/kg/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

BECOTAREL

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Trimetazidin dihydroclorid 20 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị đau thắt ngực ổn định không được kiểm soát đầy đủ hoặc bệnh nhân không được dung nạp với các liệu pháp điều trị đau thắt ngực khác.

Liều dùng

1 viên x 2 - 3 lần/ngày.



Hộp 2 vỉ x 30 viên

FOSTERVITA

VITAMIN & KHOÁNG CHẤT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Thiamin mononitrat	100 mg
Pyridoxin hydroclorid	200 mg
Cyanocobalamin	200 mcg
Tá dược vừa đủ	1 viên

Chỉ định

Điều trị thiếu hụt vitamin nhóm B do dinh dưỡng hoặc do sử dụng với các thuốc kết hợp với các vitamin nhóm này.

Chứng nghiện rượu và giải độc.

Dùng liều mạnh trong hội chứng đau nhức do thấp khớp hoặc thần kinh.

Liều dùng

Từ 12 tuổi: 1 viên/ngày.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

DICLOFENAC 75MG

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Diclofenac 75 mg

Chỉ định

Điều trị dài ngày các loại viêm khớp mạn: Viêm đốt sống cứng khớp, thoái hóa khớp, viêm đa khớp dạng thấp.

Thông kinh nguyên phát.

Đau cấp (viêm sau chấn thương, sưng nề) và đau mạn.

Liều dùng

Theo chỉ định của bác sĩ.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

Hộp 1 chai x 100 viên

TEL-GEST

KHÁNG DỊ ỨNG

Thành phần

Fexofenadine HCl 60 mg | Fexofenadine HCl 180 mg

Chỉ định

Fexofenadine dùng điều trị triệu chứng trong viêm mũi dị ứng theo mùa, mày đay mạn tính vô căn ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1 lần/ngày.



Hộp 5 vỉ x 10 viên

Hộp 10 vỉ x 10 viên

ACIGMENTIN

KHÁNG SINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

ACIGMENTIN 625	ACIGMENTIN 1000
Amoxicillin 500 mg Acid clavulanic 125 mg	Amoxicillin 875 mg Acid clavulanic 125 mg

Chỉ định

Nhiễm khuẩn nặng đường hô hấp trên và hô hấp dưới.
Nhiễm khuẩn nặng đường tiết niệu - sinh dục.
Nhiễm khuẩn da và mô mềm.
Nhiễm khuẩn xương và khớp.
Nhiễm khuẩn nha khoa.
Nhiễm khuẩn khác.

Liều dùng

Theo chỉ định của bác sĩ.



Hộp 2 vỉ x 7 viên

ORABAKAN 200MG

KHÁNG SINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Cefixim 200 mg

Chỉ định

Nhiễm khuẩn đường tiết niệu.
Một số trường hợp viêm thận - bể thận, viêm tai giữa, viêm họng và amidan, viêm bàng quang, viêm niệu đạo do lậu.
Viêm phế quản cấp và mạn tính. Viêm phổi mắc phải tại cộng đồng thể nhẹ và vừa.

Liều dùng

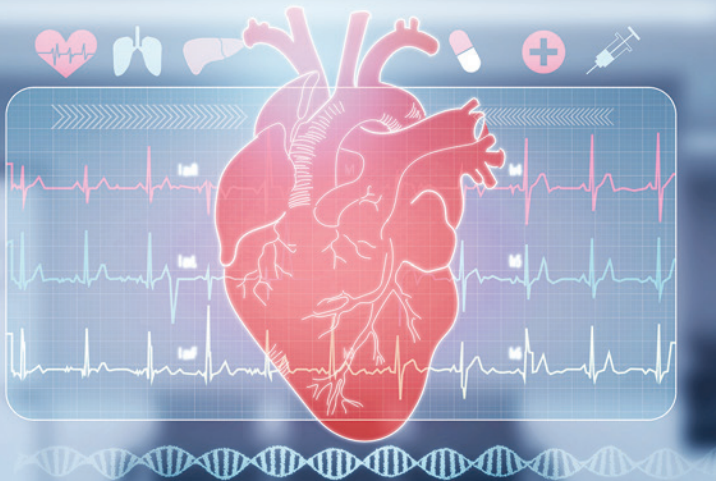
Theo chỉ định của bác sĩ.



Hộp 10 vỉ x 10 viên

DRP Inter

DRP INTER



VANADIA

ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Vildagliptin 50 mg

Chỉ định

Điều trị đái tháo đường type II ở người lớn.

Liều dùng

Sử dụng theo chỉ định của Bác sĩ.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

FIRVOMEF

THẦN KINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

FIRVOMEF 10/100MG	FIRVOMEF 25/100MG	FIRVOMEF 25/250MG
Carbidopa 10 mg Levodopa 100 mg	Carbidopa 25 mg Levodopa 100 mg	Carbidopa 25 mg Levodopa 250 mg

Chỉ định

Điều trị hội chứng và bệnh Parkinson.

Liều dùng

Sử dụng theo chỉ định của Bác sĩ.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

TOFIPAM

THẦN KINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Tofisopam..... 50 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị rối loạn tâm thần (thần kinh) và thực thể đi kèm lo âu, căng thẳng, rối loạn thực vật, thiếu năng lượng và động lực, lãnh đạm, mệt mỏi và tâm trạng chán nản.

Hội chứng cai rượu, các triệu chứng kích thích thực vật của các tình trạng tiền mê sáng hay mê sáng.

Liều dùng

Người lớn: Uống 1 - 2 viên mỗi lần, từ 1 - 3 lần mỗi ngày.

Trẻ em: Kinh nghiệm sử dụng thuốc còn hạn chế.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

LOJEC DAT

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Nebivolol 5 mg

Hydrochlorothiazid 12.5 mg

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp vô căn. Huyết áp được kiểm soát tốt khi sử dụng đồng thời nebivolol 5 mg và hydrochlorothiazid 12.5 mg.

Liều dùng

Theo chỉ định của bác sĩ.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

TRONISTAT

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

TRONISTAT 80/12.5MG	TRONISTAT 160/12.5MG	TRONISTAT 160/25MG
Valsartan 80 mg Hydrochlorothiazid 12.5 mg	Valsartan 160 mg Hydrochlorothiazid 12.5 mg	Valsartan 160 mg Hydrochlorothiazid 25 mg

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp vô căn ở người lớn.

Tronistat được chỉ định cho bệnh nhân có huyết áp không được kiểm soát đầy đủ với valsartan hoặc hydrochlorothiazide đơn trị liệu.

Liều dùng

Sử dụng theo chỉ định của Bác sĩ.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

VARIMAN

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Valsartan..... 160 mg

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp nguyên phát ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi.

Liều dùng

Sử dụng theo chỉ định của Bác sĩ.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

VAZLORE

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Valsartan 80 mg

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp nguyên phát ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi.

Liều dùng

Theo chỉ định của bác sĩ.



Hộp 3 vỉ x 10 viên



GEDEON RICHTER

GEDEON RICHTER



ARDUAN INJ.

GIÃN CƠ

THUỐC ĐỘC

Thành phần

Pipecuronium bromid 4 mg

Chỉ định

Gây mê toàn thân thuận lợi cho việc dẫn ống nội khí quản và tạo ra sự giãn cơ xương. Được sử dụng trong quá trình phẫu thuật khi cần sự giãn cơ nhiều hơn 20 – 30 phút.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.



Hộp 25 lọ thuốc bột
+ 25 ống dung môi

MYDOCALM

GIÃN CƠ

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Tolperisone HCL 50 mg | Tolperisone HCL 150 mg

Chỉ định

Điều trị triệu chứng cơ cứng cơ sau đột quỵ ở người lớn.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

DIAPHYLLIN VENOSUM

HÔ HẤP

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Theophyllin-ethylendiamin 240 mg

Chỉ định

Điều trị co thắt phế quản liên quan đến hen phế quản, sự trở nặng cấp tính của chứng viêm phế quản mạn, hoặc tràn khí phổi.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 5 ống x 5 ml

OXYTOCIN Inj

HORMON - NỘI TIẾT

THUỐC KSDB

Thành phần

Mỗi ống dung dịch tiêm 1 ml chứa:

Oxytocin 5 IU

Chỉ định

Kích thích chuyển dạ và tăng khả năng co bóp tử cung, kiểm soát xuất huyết hậu sản và giảm trương lực tử cung.

Liều dùng

Liều lượng phải được điều chỉnh theo yêu cầu từng cá thể trên cơ sở đáp ứng của mẹ và thai nhi.



Hộp 20 vial x 5 ống

CAVINTON 5MG

THẦN KINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Vinpocetine 5 mg

Chỉ định

Giảm các triệu chứng tâm thần kinh của chứng sa sút trí tuệ do nguyên nhân mạch.

Liều dùng

2 viên x 3 lần/ngày.



Hộp 2 vỉ x 25 viên

CAVINTON FORTE

THẦN KINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Vinpocetin 10 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị các dạng khác nhau của rối loạn tuần hoàn máu não: Tình trạng sau đột quỵ, sa sút trí tuệ có nguyên nhân do mạch, vữa xơ động mạch não, bệnh não sau chấn thương và do tăng huyết áp, thoái hóa hệ sống nền.

Thuốc làm giảm các triệu chứng tâm thần kinh do rối loạn tuần hoàn máu não.

Điều trị rối loạn mao mạch mãn tính của võng mạc và mạch mạc.

Điều trị bệnh giảm thính lực kiểu tiếp nhận, bệnh Ménière, ù tai.

Liều dùng

1 viên x 3 lần/ngày.



Hộp 2 vỉ x 15 viên

CAVINTON INJ

THẦN KINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Vinpocetin 10 mg

Tá dược vừa đủ 2 ml

Chỉ định

Điều trị triệu chứng của một số bệnh có kèm rối loạn tuần hoàn máu não. Điều trị các triệu chứng thần kinh do rối loạn tuần hoàn não.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng



Hộp 10 ống x 2 ml

QUAMATEL

TIÊU HÓA - GAN MẬT

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Famotidin 20 mg

Chỉ định

Loét tá tràng.

Loét dạ dày lành tính.

Bệnh trào ngược dạ dày thực quản.

Các tình trạng tăng tiết (ví dụ: hội chứng Zollinger-Ellison).

Phòng tình trạng loét phải acid dịch vị trong gây mê (hội chứng Mendelson).

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 5 lọ + 5 ống



Thành phần

Cariprazin 1.5 mg | Cariprazin 3 mg | Cariprazin 4.5 mg | Cariprazin 6 mg

Chỉ định

Điều trị tâm thần phân liệt ở bệnh nhân người lớn.

Liều dùng

Sử dụng theo chỉ định của Bác sĩ. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

THẦN KINH

THUỐC KÊ ĐƠN



Hộp 3 vỉ x 10 viên

**THUỐC
PHÁT MINH**



Reagila®

Cariprazin



ĐIỀU TRỊ TÂM THẦN PHÂN LIỆT

Reagila hiện được Bepharco độc quyền phát triển tại thị trường Việt Nam

BEATIL

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

BEATIL 4MG/5MG	BEATIL 8MG/5MG	BEATIL 4MG/10MG
Perindoril ter-butylamine 4 mg Amlodipin 5 mg	Perindoril ter-butylamine 8 mg Amlodipin 5 mg	Perindoril ter-butylamine 4 mg Amlodipin 10 mg

Chỉ định

Liệu pháp thay thế trong điều trị tăng huyết áp vô căn hoặc bệnh mạch vành ổn định, những bệnh nhân đã được kiểm soát đồng thời bằng Perindoril và amlodipin với mức liều tương ứng.

Liều dùng

Sử dụng theo chỉ định của Bác sĩ



Hộp 3 vỉ x 10 viên

EDNYT TAB 5MG

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Enalapril maleat 5 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp. Suy tim. Dự phòng các cơn thiếu máu mạch vành và suy tim có triệu chứng ở người bệnh suy thất trái.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

LISONORM

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Amlodipine 5 mg

Lisinopril 10 mg

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp vô căn ở người lớn.

Trị liệu thay thế cho bệnh nhân có huyết áp được kiểm soát đầy đủ bằng lisinopril và amlodipine dùng đồng thời ở mức liều tương đương.

Liều dùng

Sử dụng theo chỉ định của Bác sĩ.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

LISONORM FORTE

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Lisinopril 20 mg

Amlodipin 10 mg

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp vô căn người lớn.

Trị liệu thay thế cho bệnh nhân có huyết áp được kiểm soát đầy đủ bằng Lisinopril và Amlodipine với mức liều tương đương.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

PANANGIN TAB

TIM MẠCH

Thành phần

Magnesium aspartate 175 mg
Potassium aspartate 166,3 mg

Chỉ định

Một số bệnh tim mạn tính như suy tim hoặc tình trạng sau nhồi máu cơ tim với sự đồng ý của bác sĩ điều trị.

Một số tình trạng loạn nhịp tim (chủ yếu là loạn nhịp thất), với sự đồng ý của bác sĩ điều trị.

Các trường hợp không nạp đủ lượng ion hoặc mất điện giải, ví dụ khi sử dụng kéo dài các thuốc lợi tiểu hoặc làm mất kali như thuốc lợi tiểu thiazid hoặc thuốc lợi tiểu quai.

Liều dùng

1 – 3 viên x 3 lần/ngày.



Hộp 1 chai x 50 viên

PANANGIN

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Magnesium aspartat 400 mg
Potassium aspartat 452 mg

Chỉ định

Bổ sung kali và magesi trong một số bệnh tim mạn tính (suy tim, tình trạng sau nhồi máu cơ tim); rối loạn nhịp tim, bổ trợ trong điều trị bằng digitalis.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 5 ống x 10 ml

VEROSPIRON 25MG

TIM MẠCH (LỢI TIỂU)

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Spironolacton 25 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Bệnh cường aldosteron tiên phát; phù do các nguyên nhân khác nhau (phù nề kèm suy tim sung huyết, phù do xơ gan, hội chứng thận hư); tăng huyết áp vô căn; giảm kali huyết.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 1 vỉ x 20 viên

VEROSPIRON 50MG

TIM MẠCH (LỢI TIỂU)

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Spironolactone 50 mg

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp, phù do bệnh tim, gan, thận và bệnh cường aldosteron nguyên phát.

Điều trị và phòng ngừa thiếu kali ở bệnh nhân dùng digitalis khi các biện pháp khác không hiệu quả.

Liều dùng

Người lớn: Khởi đầu 5 mg/ngày, tối đa 10 mg/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên

NORMODIPINE 5MG

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Amlodipin 5 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp, đau thắt ngực.

Liều dùng

Người lớn: Khởi đầu 5 mg/ngày, tối đa 10 mg/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên





Halixol[®]

**Điều trị các bệnh
tắc nghẽn đường hô hấp cấp
và mãn tính do sản sinh
quá nhiều nhầy
và đờm**



Hộp 1 chai x 100 ml

HÔ HẤP

Thành phần

Ambroxol hydroclorid 300 mg/100 ml

Chỉ định

Giảm ho, long đờm trong các bệnh lý đường hô hấp, bệnh viêm mũi - họng. Các bệnh tắc nghẽn đường hô hấp cấp tính và mãn tính như hen phế quản và viêm phế quản, giãn phế quản do sản sinh quá nhiều nhầy và đờm. Tăng cường hòa tan dịch nhầy trong các bệnh viêm mũi - họng.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

HALIXOL

HÔ HẤP

Thành phần

Ambroxol hydroclorid..... 30 mg

Chỉ định

Các bệnh tắc nghẽn đường hô hấp cấp tính và mãn tính như hen phế quản và viêm phế quản, giãn phế quản do sản sinh quá nhiều nhầy và đờm. Tăng cường hòa tan dịch nhầy trong các bệnh viêm mũi - họng.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 2 vỉ x 10 viên

CLOSTILBEGYT

HORMON - NỘI TIẾT

THUỐC KSĐB

Thành phần

Clomiphen citrat 50 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Kích thích rụng trứng trong chu kỳ không rụng trứng, mục đích để có thai.

Rối loạn rụng trứng do thương tổn trung tâm của vùng hạ đồi.

Vô kinh thứ phát do các nguyên nhân khác, thiếu kinh,

vô kinh sau khi dùng thuốc tránh thai.

Thiếu tinh trùng.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 1 vỉ x 10 viên

RILEPTID

THẦN KINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Risperidon 1 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Điều trị tâm thần phân liệt, các cơn hưng cảm vừa đến nặng trong rối loạn lưỡng cực. Chỉ định ngăn ngừa chứng gây hấn kéo dài ở bệnh nhân sa sút trí tuệ vừa đến nặng do Alzheimer. Điều trị triệu chứng ngăn ngừa chứng gây hấn kéo dài khi có rối loạn hành vi ở trẻ em từ 5 tuổi trở lên hay thanh niên có trí tuệ chậm phát triển.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 6 vỉ x 10 viên



RAPTAKOS



SUBSYDE-M

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

Thành phần

Diclofenac diethylamin 1%

Chỉ định

Được chỉ định làm giảm triệu chứng đau, sưng nề và viêm trên các bệnh nhân bị bệnh cơ xương khớp như: Căng cơ, đau cổ, tay, vai, viêm khớp, gân cơ, bong gân, đau thắt lưng, cột sống, dây thần kinh tọa.

Liều dùng

Thông thường bôi khoảng 3-4 lần/ngày.



Hộp 1 tuýp x 20g

ZYTEE RB

KHÁNG KHUẨN - KHÁNG NẤM

Thành phần

Cholin salicylat 9,00 % tl/tt
Clorua benzalkonium 0,02 % tl/tt
Tá dược vừa đủ 10 ml

Chỉ định

Dùng làm giảm đau răng, viêm lưỡi, viêm miệng, loét miệng, các tổn thương khác ở miệng và kích ứng răng giả.

Liều dùng

Nhỏ 1 - 2 giọt keo lên đầu ngón tay và xoa nhẹ lên vùng bị tổn thương.
Có thể lặp lại 3 - 4 giờ/lần.



Hộp 1 tuýp x 10 ml

CALCREM

KHÁNG KHUẨN - KHÁNG NẤM

Thành phần

Clotrimazole 1 %

Chỉ định

Bôi ngoài trị nấm da, nấm *Candida* và lang ben. Chứng viêm quanh móng, hăm lở da, hăm tã lót do vi nấm và viêm qui đầu.

Liều dùng

Bôi ngoài da ngày 2 lần, tránh bôi vào mắt - mũi - miệng.



Hộp 1 tuýp x 15 g

SILVRIN

KHÁNG KHUẨN - KHÁNG NẤM

Thành phần

Sulfadiazin bạc 1 %

Chỉ định

Phòng và điều trị nhiễm khuẩn bỏng độ hai và độ ba, vết đứt rách, trầy da và vết thương.

Liều dùng

Bôi ngày 1 – 2 lần. Bôi lại chỗ bị trôi kem khi cần thiết.



Hộp 1 tuýp x 20g

NEOPEPTINE

MEN VI SINH - MEN TIÊU HÓA

Thành phần

Alpha amylase	100 mg
Papain	100 mg
Simethicone	30 mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

Chỉ định

Đầy hơi, khó tiêu do rối loạn men, biếng ăn, ăn không tiêu, tiêu hóa kém, bụng trướng hơi, tiêu phân sống.

Liều dùng

Uống 1 viên x 2 lần/ngày (sau ăn).



Hộp 10 vỉ x 10 viên

TRYMO TABLETS

TIÊU HÓA - GAN MẬT

Thành phần

Bismuth subcitrat dạng keo tương đương

Bismuth trioxid	120 mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

Chỉ định

Điều trị loét dạ dày - tá tràng, chứng khó tiêu; thường dùng cùng với các thuốc khác, nhất là metronidazol kèm với tetracyclin hoặc amoxicillin (phác đồ 3 hoặc 4 thuốc) để loại trừ *Helicobacter pylori* và do đó ngăn ngừa tái phát loét tá tràng.

Liều dùng

2 viên x 2 lần/ngày.

Điều trị *Helicobacter pylori*: 1 viên x 4 lần/ngày trong 2 tuần.



Hộp 14 vỉ x 8 viên

MINIGADINE

VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT

Thành phần

Vitamin và khoáng chất

Chỉ định

Dùng phòng ngừa tình trạng thiếu vi chất ở trẻ em: biếng ăn, kém phát triển do dinh dưỡng, chậm phát triển tâm thần.

Liều dùng

Trẻ em từ 1 – 6 tuổi: 2,5 ml (nửa muỗng cà phê), mỗi ngày hai lần.

Trẻ em từ 7 – 15 tuổi: 5ml (một muỗng cà phê), ngày hai lần.



Hộp 1 chai x 120 ml



PRO.MED.CS
PRAHA A.S.

 PRO.MED.CS
Praha a.s.

Rx. Thuốc kê đơn

BISOTEXA

bisoprolol fumarate

2,5 mg
5 mg
10 mg



THUỐC KÊ ĐƠN



ĐIỀU TRỊ TĂNG HUYẾT ÁP, ĐAU THẮT NGỰC, SUY TIM MẠN ỔN ĐỊNH KÈM SUY GIẢM CHỨC NĂNG TÂM THẮT TRÁI, PHỐI HỢP VỚI THUỐC ỨC CHẾ MEN CHUYỂN (ACEi), THUỐC LỢI TIỂU VÀ CÁC GLYCOSID TIM.

Thành phần

Bisoprolol fumarate 2.5 mg | Bisoprolol fumarate 5 mg | Bisoprolol fumarate 10 mg

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp.

Điều trị đau thắt ngực.

Điều trị suy tim mạn ổn định kèm suy giảm chức năng tâm thất trái, phối hợp với thuốc ức chế men chuyển (ACE), và thuốc lợi tiểu, và các glycosid tim.

Liều dùng

Sử dụng theo chỉ định của Bác sĩ.

Hộp 3 vỉ x 10 viên

COMBISO

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

COMBISO 5 MG/6.25 MG	COMBISO 10 MG/6.25 MG
Bisoprolol fumarate 5 mg Hydrochlorothiazide 6,25 mg	Bisoprolol fumarate 10 mg Hydrochlorothiazide 6,25 mg

Chỉ định

Điều trị tăng huyết áp nhẹ đến trung bình.

Liều dùng

Sử dụng theo chỉ định của Bác sĩ.



Hộp 3 vỉ x 10 viên



DELORBIS



DELORBIS

Rx Thuốc kê đơn

FLOXAVAL 500mg

Levofloxacin



**Điều trị nhiễm khuẩn
do các vi khuẩn nhạy cảm với levofloxacin**

- ✓ **Hấp thu nhanh
và gần như hoàn toàn**
- ✓ **Sinh khả dụng tuyệt đối
99 - 100%**



KHÁNG SINH

Hộp 1 vỉ x 10 viên

THUỐC KSDB

Thành phần Levofloxacin 500 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định Viêm phổi mắc phải cộng đồng.
Nhiễm khuẩn da và mô mềm có biến chứng.
Bệnh than đường hô hấp: chữa trị và dự phòng sau phơi nhiễm.
Nhiễm khuẩn niệu có biến chứng và viêm bể thận, viêm tiền liệt tuyến mạn tính do vi khuẩn.

Liều dùng Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

FLUCOZAL 150mg

Fluconazole 150 mg

ĐIỀU TRỊ VÀ DỰ PHÒNG TÁI PHÁT CÁC TRƯỜNG HỢP NHIỄM NẤM



KHÁNG KHUẨN - KHÁNG NẤM

Hộp 1 vỉ x 1 viên

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần Fluconazole 150 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên

Liều dùng Liều dùng theo chỉ định của bác sĩ.





MEDEXPORT
ITALIA

DAYTRIX 1g

Ceftriaxone 1g

KHÁNG SINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Mỗi lọ bột chứa:

Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 1 g

Mỗi ống dung môi chứa:

Lidocain hydroclorid 35,0 mg

Nước cất pha tiêm 3,5 ml

Chỉ định

Ceftriaxon được chỉ định điều trị các bệnh nhiễm khuẩn sau đây ở người lớn và trẻ em bao gồm trẻ sơ sinh ở độ tuổi nhất định (từ khi sinh): Viêm màng não do vi khuẩn; Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng; Viêm phổi mắc phải ở bệnh viện; Viêm tai giữa cấp tính; Nhiễm khuẩn ổ bụng; Nhiễm khuẩn đường tiết niệu phức tạp (bao gồm cả viêm thận); Nhiễm khuẩn xương khớp; Nhiễm khuẩn da và mô mềm phức tạp; Lậu; Giang mai; Viêm nội tâm mạc do vi khuẩn.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

Hộp 10 lọ x 1g



Hộp 1 lọ kèm dung môi



DELTAZIME

Kháng sinh cephalosporin thế hệ 3

KHÁNG SINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Ceftazidime 1 g

Chỉ định

Điều trị các trường hợp nhiễm khuẩn phức tạp, dự phòng nhiễm khuẩn sau phẫu thuật. Đặc biệt do các chủng vi khuẩn gram âm bao gồm cả trực khuẩn mủ xanh (*Pseudomonas aeruginosa*) nhạy cảm.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.



Hộp 10 lọ x 1 g

TRINITRINA

TIM MẠCH

THUỐC KÊ ĐƠN

Thành phần

Mỗi ống 1,5 ml chứa:

Nitroglycerin 5 mg

Chỉ định

Nhồi máu cơ tim cấp. Tăng huyết áp kịch phát trong phẫu thuật (đặc biệt trong phẫu thuật tim mạch) dùng dạng truyền tĩnh mạch.

Liều dùng

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 10 ống x 1,5 ml



free NOSE®

NƯỚC BIỂN ĐẲNG TRƯỞNG

+0 Tháng tuổi



Nhập khẩu nguyên chai
từ Tây Ban Nha



VỆ SINH MŨI HÀNG NGÀY

GIỮ ẨM VÙNG MŨI

THÂN THIỆN VỚI TRẺ SƠ SINH



XỊT MŨI NƯỚC BIỂN ĐẲNG TRƯỞNG +0 Tháng tuổi

THÀNH PHẦN: Nước tinh khiết và nước biển (Natri clorid 0,9 %).

CÔNG DỤNG: Sử dụng **FREE NOSE® Isotonic Sea Water** đúng cách trong vệ sinh mũi hàng ngày ở trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn cho phép hỗ trợ điều trị: viêm mũi họng, viêm mũi tắc nghẽn, viêm xoang, chứng khô mũi, khàn tiếng do niêm mạc mũi bị khô, hỗ trợ trong điều trị các bệnh thuộc khoa Tai mũi họng và khoa Nhĩ.

KHUẾCH TÁN NHẹ NHÀNG

Vòi xịt phun sương
không gây đau rát

NƯỚC BIỂN TINH KHIỆT

Khu vực
đạt cấp sạch A

GIÚP GIẢM CÁC BỆNH HÔ HẤP

Giúp bé giảm các bệnh
về đường hô hấp

FREE NOSE

NƯỚC BIỂN ƯU TRƯƠNG

THIẾT BỊ Y TẾ

Thành phần

Nước tinh khiết

Nước biển 2.2 %

Công dụng

Sử dụng cho trẻ em từ 3 tháng tuổi và người lớn trong các trường hợp như: nhiễm khuẩn niêm mạc mũi họng, chảy nước mũi, giảm sưng - phù nề niêm mạc mũi.

Hỗ trợ điều trị các bệnh thuộc khoa Tai mũi họng và khoa Nhi.

Cách dùng

Dùng cho mỗi bên mũi 2 đến 3 lần một ngày.



Hộp 1 chai x 120 ml

VITALINK D3 DROPS

TPBVSK

Thành phần

Trong mỗi giọt chứa Vitamin D3 5 µg (tương đương 200 IU)

Công dụng

Hỗ trợ tăng cường hấp thu canxi và photpho.

Hỗ trợ xương, răng chắc khỏe.

Hỗ trợ giảm nguy cơ loãng xương ở người lớn.

Cách dùng

Trẻ dưới 1 tuổi: Tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi sử dụng.

Trẻ từ 1 tuổi: uống 2 giọt/ngày (vitamin D3 10 µg).



Hộp 1 chai x 20 ml

OKVITKA

Calci carbonat 750 mg / Cholecalciferol 5 mcg

Bổ sung Calci và Vitamin D3
hỗ trợ giảm nguy cơ loãng xương



VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT

Thành phần: Mỗi viên nén bao phim chứa:

Calci carbonat 750 mg
Cholecalciferol 5 mcg
Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định

Bổ sung calci và vitamin D trong trường hợp thiếu calci do chế độ ăn uống, giảm nguy cơ mắc loãng xương do thiếu calci. Hỗ trợ giảm nguy cơ giảm mật độ xương, gãy xương do loãng xương.

Liều dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1 – 2 viên/lần x 2 lần/ngày.



Hộp 3 vỉ x 10 viên



JEIL PHARMACEUTICAL CO.,LTD.

ROFIPTIL Tablet



Nhập khẩu từ
HÀN QUỐC

THUỐC ĐỘC

THUỐC TRỊ UNG THƯ BẠCH CẦU Tủy MẠN Ở NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM

Thành phần Imatinib Mesylate 1 119.50 mg
(tương đương Imatinib..... 100 mg)

Chỉ định Người lớn và bệnh nhi mới chẩn đoán mắc bệnh ung thư bạch cầu tủy mạn (CML) dương tính (Ph+) nhiễm sắc thể Philadelphia (bcr-abl), đối với các bệnh nhân mà chỉ định ghép tủy không phải là chọn lựa điều trị hàng đầu.
Người lớn và bệnh nhi bệnh Ph+ CML giai đoạn mạn tính sau khi đã điều trị thất bại với interferon-alpha, hoặc giai đoạn tiến triển hoặc giai đoạn nguyên bào cấp tính.
Người lớn và bệnh nhi mới chẩn đoán có bệnh ung thư bạch cầu nguyên bào lympho nhiễm sắc thể Philadelphia dương tính (Ph+ ALL) dùng hóa trị.
Đơn trị liệu cho người lớn có bệnh Ph+ ALL tái phát hay khó chữa.
Người lớn có bệnh loạn sản/tăng sản tủy xương (MDS/MPD) kết hợp với sự sắp xếp gen đối với receptor PDGFR.
Người lớn có hội chứng tăng bạch cầu ưa eosin (HES) tiến triển và/hoặc bệnh bạch cầu ưa eosin mạn tính (CEL) có sự sắp xếp lại FIPILI-PDGFRa.
Tác dụng của imatinib đối với việc ghép tủy xương chưa được xác định.
Rofiptil Tablet được chỉ định cho người lớn
Điều trị người lớn có khối u đường tiêu hóa (GIST) không giải phẫu được và/hoặc di căn dương tính với Kit (CD 117).
Điều trị hỗ trợ cho người lớn có nguy cơ tái phát sau khi cắt khối u GIST dương tính với Kit (CD117).
Bệnh nhân có nguy cơ tái phát thấp không nên dùng điều trị hỗ trợ.
Điều trị người lớn bị scàcm xơ da (DFSP) tái phát và hoặc di căn không thể phẫu thuật.

Liều dùng Theo chỉ định của bác sĩ

Hộp 6 vỉ x 10 viên

Gespro FILORY®

Công nghệ bào chế độc quyền từ Hàn Quốc



GESPRO FILORY

TPBVS

Thành phần

Bột hỗn hợp vi khuẩn sinh acid lactic (từ 1×10^{10} CFU nguyên liệu ban đầu bao gồm 9 chủng lợi khuẩn (*Bifidobacterium animalis lactis*, *Bifidobacterium bifidum*, *Bifidobacterium breve*, *Bifidobacterium longum*, *Limosilactobacillus fermentum*, *Limosilactobacillus reuteri*, *Lactiplantibacillus plantarum*, *Lactiplantibacillus rhamnosus*, *Lactococcus lactis*) 3×10^9 CFU

Fructo-oligosaccharide500 mg

Kẽm (dưới dạng Kẽm oxyd)8,5 mg

Vitamin B6 (dưới dạng Pyridoxin hydroclorid) ... 1,5 mg

Vitamin B2 (dưới dạng Riboflavin) 1,4 mg

Vitamin B1 (dưới dạng Thiamin hydroclorid) 1,2 mg

Vitamin B12 (dưới dạng Cyanocobalamin) 2,4 mg

Công dụng

Bổ sung lợi khuẩn, hỗ trợ duy trì hệ vi sinh đường ruột và cải thiện nhu động ruột. Hỗ trợ giảm các triệu chứng rối loạn tiêu hoá do loạn khuẩn đường ruột hoặc do dùng kháng sinh dài ngày, hỗ trợ tăng cường sức đề kháng.

Cách dùng

Trẻ em từ 3 tuổi trở lên và người lớn: uống 1 gói/ngày. Uống trực tiếp hoặc pha với nước.



PHILTOBAX[®]

Eye Drops Tobramycin

DUNG DỊCH NHỎ MẮT

ĐIỀU TRỊ NHIỄM KHUẨN BÊN NGOÀI VÀ CÁC PHẦN PHỤ
CỦA MẮT GÂY RA DO CÁC CHỦNG VI KHUẨN NHẠY CẢM



Nhập khẩu từ
HÀN QUỐC



KHÁNG SINH

THUỐC KÊ ĐƠN

Hộp 1 lọ x 5 ml

Thành phần	Tobramycin 15 mg
	Tá dược vừa đủ 5 ml
Chỉ định	Kháng sinh điều trị nhiễm khuẩn bên ngoài và các phần phụ của mắt gây ra do các chủng vi khuẩn nhạy cảm.
Liều dùng	Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

• ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

FORCLAMIDE 3MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
VANADIA (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER

• GIẢM ĐAU – HẠ SỐT – KHÁNG VIÊM

BEFADOL KID GÓI 5ML	BEPHARCO
BEFADOL KID CHAI 60ML	BEPHARCO
BECORAC 250	MEYER – BPC
BEFADOL EXTRA	MEYER – BPC
BEFADOL PLUS (VỈ)	MEYER – BPC
BEFADOL PLUS (CHAI)	MEYER – BPC
MELOXICAM (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
MEFENAMIC	MEYER – BPC
PIROXICAM (CHAI) (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
PIROXICAM (VỈ) (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
DICLOFENAC 75MG (CHAI) (THUỐC KÊ ĐƠN)	MIPHARMCO
DICLOFENAC 75MG (VỈ) (THUỐC KÊ ĐƠN)	MIPHARMCO
SUBSYDE-M	RAPTAKOS

• GIÃN CƠ

ARDUAN INJ. (THUỐC ĐỘC)	GEDEON RICHTER
MYDOCALM 50MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
MYDOCALM 150MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER

• HÔ HẤP

BEFABROL GÓI 5ML	BEPHARCO
BEFABROL CHAI 30ML	BEPHARCO
BEFABROL CHAI 60M	BEPHARCO
KIDIFUNVON CHAI 60ML	BEPHARCO
BEFOBROL 30	MEYER – BPC
BECCYSTEIN	MEYER – BPC
DEXTROMETHORPHAN (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
DIAPHYLLIN VENOSUM INJ (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
HALIXOL	EGIS
HALIXOL SIRO 100ML	EGIS

DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

• HORMON – NỘI TIẾT

CLOSTILBEGYT 50MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	EGIS
OXYTOCIN 5UI/1ML (THUỐC KSBĐ)	GEDEON RICHTER
DEXACIN (CHAI) (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
MEPRED 4 (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
MEPRED 16 (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
PREDNISOLONE (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC

• KHÁNG DỊ ỨNG

BECOLORAT 30ML	BEPHARCO
BECOLORAT 60ML	BEPHARCO
BECOLORAT 5ML	BEPHARCO
ALLER FORT (VỊ)	MEYER – BPC
ALLER FORT (CHAI)	MEYER – BPC
BECOSTURON	MEYER – BPC
CETIRIZIN	MEYER – BPC
CLOPHENIRAMIN	MEYER – BPC
CORITYNE	MEYER – BPC
TEL-GEST 60MG	MIPHARMCO
TEL-GEST 180MG	MIPHARMCO

• KHÁNG KHUẨN – KHÁNG NẤM

CALCREM 15G	RAPTAKOS
SILVIRIN 20G	RAPTAKOS
ZYTEE RB	RAPTAKOS
FLUCOZAL 150 MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DELORBIS

• KHÁNG SINH

ACIGMENTIN 1000 (THUỐC KÊ ĐƠN)	MIPHARMCO
ACIGMENTIN 625 (THUỐC KÊ ĐƠN)	MIPHARMCO
ORABAKAN 200MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	MIPHARMCO
FLOXAVAL (THUỐC KSBĐ)	DELORBIS
DAYTRIX (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEDEXPORT
DELTAZIME (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEDEXPORT
PHILTOBAX (THUỐC KÊ ĐƠN)	HANLIM

DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

3

• MEN VI SINH - MEN TIÊU HÓA

BIOLAC 500MG (VĨ)	BIOPHARCO
BIOLAC 500MG (LQ)	BIOPHARCO
BIOLAC (GÓI)	BIOPHARCO
BIOSUBTYL-II 1G	BIOPHARCO
ENTEROGOLDS CHAI	BIOPHARCO
ENTEROGOLDS VĨ	BIOPHARCO
ENTEROGRAN	BIOPHARCO
NEOPEPTINE	RAPTAKOS

• TIÊU HÓA - GAN MẬT

BECOLUGEL	BEPHARCO
BECOLUGEL-O	BEPHARCO
BECOLUGEL-S 10ML	BEPHARCO
GASMAGEL 15ML	BEPHARCO
THIDAMAGEL 15ML	BEPHARCO
BECORIDONE CHAI 30ML (THUỐC KÊ ĐƠN)	BEPHARCO
BECORIDONE NEW 25ML (THUỐC KÊ ĐƠN)	BEPHARCO
BECORIDONE NEW 55ML (THUỐC KÊ ĐƠN)	BEPHARCO
DOMPERIDONE (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER - BPC
DROTACOLIC (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER - BPC
ESOPRAZOL (ALU) (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER - BPC
MEYERAZOL (ALU) (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER - BPC
SORBITOL	MEYER - BPC
SPAS-MEYER (PVC) (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER - BPC
QUAMATEL 20 (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
TRYMO TABLETS	RAPTAKOS

• THẦN KINH

BEFATROPYL (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER - BPC
FIRVOMEF 25/250MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
FIRVOMEF 25/100MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
FIRVOMEF 10/100MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
TOFIPAM (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
CAVINTON 5MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
CAVINTON FORTE 10MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
CAVINTON INJ (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
REAGILA CAPS 1,5MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
REAGILA CAPS 3MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
REAGILA CAPS 4,5MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
REAGILA CAPS 6MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
RILEPTID 1MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	EGIS

DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

4

• TIM MẠCH

BECOTAREL (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
LOJECDAT 5/12.5MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
TRONISTAT 160/12,5 MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
TRONISTAT 160/25 MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
TRONISTAT 80/12,5 MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
VARIMAN 160MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
VAZOLORE 80MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	DRP INTER
BEATIL 4MG/10MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
BEATIL 4MG/5MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
BEATIL 8MG/5MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
EDNYT TAB 5MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
LISONORM (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
LISONORM FORTE (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
NORMODIPINE 5MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
PANANGIN (CHAI)	GEDEON RICHTER
PANANGIN (ỐNG) (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
BISOTEXA 5 (THUỐC KÊ ĐƠN)	PRO.MED
BISOTEXA 2.5 (THUỐC KÊ ĐƠN)	PRO.MED
BISOTEXA 10 (THUỐC KÊ ĐƠN)	PRO.MED
COMBISO 5MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	PRO.MED
COMBISO 10MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	PRO.MED
TRINITRINA (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEDEXPORT

RỐI LOẠN LIPID HUYẾT

BECOPANTHYL (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
----------------------------------	-------------

LỢI TIỂU

VEROSPIRON 25MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER
VEROSPIRON 50MG (THUỐC KÊ ĐƠN)	GEDEON RICHTER

• UNG THƯ

ROFIPTIL TABLET (THUỐC ĐỘC)	JEIL PHARMACEUTICAL
-----------------------------------	---------------------

• VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT

BOSUZINC 5ML (THUỐC KÊ ĐƠN)	BEPHARCO
BOSUZINC CHAI 30ML (THUỐC KÊ ĐƠN)	BEPHARCO
FOSTERVITA (THUỐC KÊ ĐƠN)	MEYER – BPC
MINIGADINE	RAPTAKOS
OKVITKA	NQ HEALTHCARE AUSTRALIA PTY.LTD

DANH MỤC THUỐC ĐÔNG DƯỢC

5

NHÓM CẨM XUYÊN HƯƠNG

CẨM XUYÊN HƯƠNG	YPHARCO
CẨM XUYÊN HƯƠNG PLUS CHAI	YPHARCO
CỐM CẨM XUYÊN HƯƠNG	YPHARCO
SIRO CẨM XUYÊN HƯƠNG	YPHARCO
BỘT PHA NƯỚC TẮM CẨM XUYÊN HƯƠNG	YPHARCO
NƯỚC TẮM GỘI CẨM XUYÊN HƯƠNG	YPHARCO

AN THẦN

AN THẦN	YPHARCO
---------------	---------

BỔ HUYẾT

BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH	YPHARCO
SIRO LANGGA 125ML (THUỐC KÊ ĐƠN)	YPHARCO
TAM THẤT BỔ MÁU - YB (THUỐC KÊ ĐƠN)	YPHARCO

CƠ XƯƠNG KHỚP

ACOCINA-30ML (CỒN THUỐC) (THUỐC KÊ ĐƠN)	YPHARCO
ACOCINA-40ML (CỒN THUỐC) (THUỐC KÊ ĐƠN)	YPHARCO
ACOCINA-80ML (CỒN THUỐC) (THUỐC KÊ ĐƠN)	YPHARCO

HÔ HẤP

BỔ PHẾ TIÊU ĐỜM	YPHARCO
BỔ PHẾ 100ML (THUỐC KÊ ĐƠN)	YPHARCO
CẨM CÚM - HO YBA	YPHARCO
GIẢI CẨM	YPHARCO
THUỐC HO THẢO DƯỢC	YPHARCO

HOẠT HUYẾT

HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO DUTAMGINKO BAO ĐƯỜNG	YPHARCO
HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO DUTAMGINKO BAO PHIM	YPHARCO
HOẠT HUYẾT PLUS (THUỐC KÊ ĐƠN)	YPHARCO
TÔ MỘC YB (THUỐC KÊ ĐƠN)	YPHARCO

DANH MỤC THUỐC ĐÔNG DƯỢC

• **THANH NHIỆT - GIẢI ĐỘC**

NHIỆT MIỆNG YÊN BÁI	YPHARCO
TIÊU ĐỘC	YPHARCO

• **TIÊU HÓA - GAN MẬT**

BỔ TỶ	YPHARCO
ĐẠI TRÀNG HOÀN	YPHARCO
FOLITAT DẠ DÀY (THUỐC KẼ ĐƠN)	YPHARCO
H'TIÊN YBA	YPHARCO
HƯƠNG LIÊN HOÀN (THUỐC KẼ ĐƠN)	YPHARCO
HƯƠNG LIÊN YBA (THUỐC KẼ ĐƠN)	YPHARCO
PHUGIA (THUỐC KẼ ĐƠN)	YPHARCO
TRI TA - YBA	YPHARCO

• **TIẾT NIỆU**

BỔ THẬN ÂM	YPHARCO
------------------	---------

• **TIM MẠCH**

ENTEKA - YB (THUỐC KẼ ĐƠN)	YPHARCO
----------------------------------	---------

· THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ

BIOSUBTILIS	BIOPHARCO
BIO THYMOLUS	BIOPHARCO
ORESOL-II	BIOPHARCO
GESPRO FILORY	DAEWON
ENTEROGO.....	SPOMEDIC
VITALINK D3 DROPS 20 ML	PHARMALINK
HEXSPAN (Vİ)	VIETNAT
AN THẦN YB	YPHARCO
BỔ PHẾ YB	YPHARCO
ACTIVITA PLUS	YPHARCO HEALTHCARE
AMAK	YPHARCO HEALTHCARE
AMAKING	YPHARCO HEALTHCARE
AN XUÂN KHANG YB	YPHARCO HEALTHCARE
BỔ THẬN YB.....	YPHARCO HEALTHCARE
GIẢI ĐỘC GAN YB	YPHARCO HEALTHCARE
GIẢI RƯỢU YB	YPHARCO HEALTHCARE
HOẠT HUYẾT YB	YPHARCO HEALTHCARE
KIM TIỀN THẢO YB	YPHARCO HEALTHCARE
MỘC HOA TRẮNG YB	YPHARCO HEALTHCARE
TRINH NỮ HOÀNG CUNG YB	YPHARCO HEALTHCARE

· THIẾT BỊ Y TẾ

FREE NOSE HYPERTONIC (ƯU TRƯỞNG)	PHARMALINK
FREE NOSE ISOTONIC (ĐẲNG TRƯỞNG)	PHARMALINK

DANH MỤC THUỐC THIẾT YẾU

NHÓM HOÁ DƯỢC

FLUCOZAL 150MG.....	DELOBIS
FLOXAVAL	DELOBIS
FIRVOMEF 25/250MG	DRP INTER
FIRVOMEF 10/100MG.....	DRP INTER
CLOSTILBEGYT 50MG.....	EGIS
RILEPTID 1MG.....	EGIS
OXYTOCIN 5UI/1ML	GEDEON RICHTER
EDNYT TAB 5MG.....	GEDEON RICHTER
NORMODIPINE 5MG	GEDEON RICHTER
VEROSPIRON 25MG.....	GEDEON RICHTER
VEROSPIRON 50MG.....	GEDEON RICHTER
DAYTRIX	MEDEXPORT
MELOXICAM.....	MEYER-BPC
PIROXICAM (CHAI).....	MEYER-BPC
PIROXICAM (VĨ).....	MEYER-BPC
DEXACIN (CHAI)	MEYER-BPC
PREDNISOLONE	MEYER-BPC
BECOCYSTEIN.....	MEYER-BPC
CLORPHENIRAMIN.....	MEYER-BPC
CORITYNE	MEYER-BPC
MEYERAZOL (ALU).....	MEYER-BPC
DICLOFENAC 75MG	MIPHARMCO
DICLOFENAC 75MG	MIPHARMCO
ACIGMENTIN 625	MIPHARMCO
ORABAKAN 200MG.....	MIPHARMCO
CALCREM 15G	RAPTAKOS
SILVIRIN 20G.....	RAPTAKOS

DANH MỤC THUỐC THIẾT YẾU

9

NHÓM ĐÔNG DƯỢC

AN THẦN	YPHARCO
BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH	YPHARCO
SIRO LANGGA 125ML	YPHARCO
TAM THẤT BỔ MÁU - YB.....	YPHARCO
ACOCINA-30ML (CỔN THUỐC).....	YPHARCO
ACOCINA-40ML (CỔN THUỐC)	YPHARCO
ACOCINA-80ML (CỔN THUỐC)	YPHARCO
TÔ MỘC YB.....	YPHARCO
HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO DUTAMGINKO (BAO PHIM).....	YPHARCO
HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO DUTAMGINKO (BAO ĐƯỜNG).....	YPHARCO
HOẠT HUYẾT PLUS	YPHARCO
CẢM CÚM - HO YBA	YPHARCO
THUỐC HO THẢO DƯỢC.....	YPHARCO
TIÊU ĐỘC.....	YPHARCO
BỔ THẬN ÂM	YPHARCO
BỔ TỀ.....	YPHARCO
ĐẠI TRĂNG HOÀN	YPHARCO
FOLITAT DẠ DÀY	YPHARCO
H'TIẾN YBA	YPHARCO
HƯƠNG LIÊN HOÀN	YPHARCO
HƯƠNG LIÊN YBA.....	YPHARCO
PHUGIA.....	YPHARCO
ENTEKA - YB.....	YPHARCO